

THÔNG TIN



ISSN: 2354 - 1520

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH THÁI NGUYÊN

SỐ 03 - 2022



THÔNG TIN KH&CN SỐ 03/2022



Ảnh bìa 1:

Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ
thăm mô hình chuyển giao KH&CN trồng, chăm sóc
chè cành tại xã Tân Cương (TP. Thái Nguyên)

Trong số này



HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- 1-3 Chương trình Chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025 của Sở KH&CN - Kết quả đạt được và những yêu cầu đặt ra trong thời gian tới - *ThS. Phạm Thị Hiền*
- 4-9 Nhìn lại Kết quả thực hiện Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" tỉnh Thái Nguyên - *TS. Hoàng Thị Thúy Hà*
- 10-13 Vai trò của Đoàn thanh niên trong tham gia thúc đẩy chuyển đổi số - *ThS. Nguyễn Dung*
- 14-16 Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh với công tác đẩy mạnh phong trào sáng tạo khoa học kỹ thuật – *ThS. Hoàng Ngân*
- 17-19 Công tác thanh tra góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên - *ThS. Trần Việt Anh*
- 20-22 Khởi nghiệp từ khoa học công nghệ, cơ hội và thách thức với các trường đại học - *PGS.TS Phạm Thành Long*



KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

- 23-26 Kết quả điều tra về số lượng, sự phân bố và đặc điểm ngoại hình của giống gà nhiều ngón tại một số địa phương thuộc tỉnh Thái Nguyên - *TS. Nguyễn Thị Kim Lan, Th.S Phạm Diệu Thuỷ*
- 27-31 Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi và giới thiệu công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi tại tỉnh thái nguyên – *Th.S Nguyễn Thu Huyền, TS. Nguyễn Thị Đông*
- 32-35 Đái tháo đường trong cộng đồng và các yếu tố liên quan tại Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ - *ThS. Dương Hữu Khoa*
- 36-39 Ứng dụng lý thuyết tiếp nhận vào dạy học truyền ngắn trong chương trình Ngữ văn lớp 12 – *TS. Nguyễn Thị Cẩm Anh*



PHỔ BIẾN KIẾN THỨC KH&CN

- 40-42 Những điểm mới của Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022 – *ThS. Nguyễn Mạnh Thắng*



ĐIỂM TIN

- 43-44 Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên đối thoại với doanh nghiệp năm 2022
- 44-45 Nghiệm thu dự án mở rộng ứng dụng công nghệ iMetos
- 46 Hội thảo khoa học “Ứng dụng dấu ấn sinh học trong sàng lọc và quản lý tiền sản giật và rối loạn chức năng tuyến giáp trong thai kỳ”



VĂN BẢN PHỔ BIẾN KH&CN

- 47-56 Quyết định 325/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH THÁI NGUYÊN

Số 513, đường Lương Ngọc Quyến, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
ĐT: 0208 3855 691 - Fax: 0208 3857 943 - Website: www.dosttn.gov.vn

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:

TS. PHẠM QUỐC CHÍNH
Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

BÌNH TẬP:

ThS. Phạm Thị Hiền
ThS. Nguyễn Thế Hoàng
ThS. Phạm Thị Đông
ThS. Vũ Đức Hải

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 102/GP-STTTT, do Sở Thông tin và Truyền thông Thái Nguyên cấp ngày 27/09/2022, SL: 500 cuốn, KT: 19x27 cm

NƠI IN

Doanh nghiệp tư nhân In quảng cáo Chiến Thắng
ĐC: Số 1, phường Chùa Hang, TP Thái Nguyên
In xong và nộp lưu chiểu tháng 09/2022

ISSN 2354-1520

CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA SỞ KH&CN, KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA TRONG THỜI GIAN TỚI

ThS. Phạm Thị Hiền
Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Chuyển đổi số được hiểu là ứng dụng những tiến bộ về công nghệ số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo... vào mọi hoạt động của tổ chức nhằm mang lại hiệu suất cao. Chuyển đổi số là tổng thể công nghệ số hóa dữ liệu và ứng dụng dữ liệu dựa trên nền tảng kỹ thuật số. Chuyển đổi số đóng vai trò thay đổi tư duy lãnh đạo, phương thức điều hành, văn hóa tổ chức,...

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình Chuyển đổi số của Sở giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Yêu cầu đặt ra đối với Kế hoạch chuyển đổi số của Sở là phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; đồng thời khai thác, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ

chuyển đổi số tại cơ quan. Để kịp thời triển khai các nội dung công việc liên quan đến chuyển đổi số, Sở đã thành lập Tổ công tác, ban hành các Kế hoạch: phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng; thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia,...

Đến nay, Sở KH&CN đã triển khai các giải pháp để dần đáp ứng các điều kiện cần thiết cho thực hiện công cuộc chuyển đổi số một cách đồng bộ từ thể chế số, chính quyền số, nhân lực số, hạ tầng số, dữ liệu số, an toàn an ninh số. Thường xuyên triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về công tác chuyển đổi số. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng trình độ và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ; kỹ năng chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, an toàn thông tin mạng cho công chức được giao nhiệm vụ về chuyển đổi số.

Sở KH&CN thường xuyên duy trì hoạt động của đường truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh, Bộ KH&CN. Đảm bảo một số dữ liệu về lĩnh vực KH&CN như: sở hữu trí

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

tuệ, kết quả nghiên cứu khoa học, thông tin KH&CN, công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng được thông suốt từ cơ sở dữ liệu của các đơn vị chức năng thuộc Bộ KH&CN đến Sở và phục vụ việc tra cứu dữ liệu đối với người dân, doanh nghiệp, các tổ chức có liên quan.

Sở KH&CN đã triển khai nội dung cơ sở dữ liệu phần mềm quản lý sáng kiến, phần mềm quản lý các nhiệm vụ khoa học, phần mềm đánh giá trình độ công nghệ,... Vận hành và khai thác trạm IP Platform. 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung.

Xây dựng phần mềm chuyên trang C-Khoa học và công nghệ tích hợp với phần mềm C-Thái Nguyên. Nhằm cung cấp thông tin dữ liệu cho các cấp chính quyền, các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tra cứu thông tin về hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ một cách nhanh chóng và chính xác.

Thực hiện tốt các ứng dụng trong nội bộ cơ quan như: Triển khai hướng dẫn khai báo y tế cho toàn thể cán bộ công chức và khách đến liên hệ công tác bằng cách quét mã QR để xác thực nơi đến; Triển khai thực hiện thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt đối với các dịch vụ công có phát sinh phí, lệ phí. Tuyên truyền các văn bản chỉ



đạo, hướng dẫn thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt vào thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan. Triển khai dịch vụ công trực tuyến; sử dụng hòm thư điện tử Mail.thain-guyen.gov.vn đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức trong Sở. Sử dụng phần mềm hệ thống quản lý văn bản và điều hành Sở KH&CN. 100% cán bộ, công chức trong Sở được cấp và sử dụng chứng thư điện tử (chữ ký số).

Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hệ thống thông tin của Sở để kịp thời sửa, khắc phục khi có sự cố xảy ra. Có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin quản lý, vận hành hệ thống máy chủ, đường truyền internet của Sở. Cập nhật thường xuyên các cảnh báo về sự cố máy tính, lỗ hổng bảo mật... và áp dụng theo hướng dẫn để khắc phục các sự cố trên. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống mã độc, bảo vệ 100% máy trạm, thiết bị đầu cuối liên quan; xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ

liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng. Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống mạng nội bộ Sở KH&CN. Hiện tại Sở KH&CN có 01 hệ thống thông tin và đã được Sở thông tin và truyền thông phê duyệt cấp độ an toàn thông tin.

Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến để giảm thời gian đi lại, chi phí thực hiện, tạo tài khoản cho công dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để nâng cao hiệu quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

Với sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo Sở, sự quyết tâm và trách nhiệm của công chức, viên chức thực thi công vụ, trong thời gian qua công tác chuyển đổi số đã thu được kết quả đáng kể, đã đóng góp phần nào vào công cuộc chuyển đổi số của tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, trước yêu cầu đặt ra của sự phát triển chung của tỉnh, chuyển đổi số phải được đẩy mạnh và thực chất hơn nữa, "chuyển đổi số" phải được thực thi theo đúng nội hàm của khái niệm này. Hơn nữa, nguồn lực tài chính sẽ là khó khăn đối với bài toán thực hiện chuyển đổi số tại Sở KH&CN.

Tiếp tục thực hiện các nội dung trong các kế hoạch đã ban hành là nhiệm vụ

trọng tâm trong thời gian tới. Tập trung xây dựng một số các hệ thống nền tảng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ: Phần mềm quản lý chất lượng ISO điện tử, phần mềm quản lý đo lường; Cải tiến Phần mềm đánh giá trình độ công nghệ. Thực hiện chuyển đổi IPv6 tại cơ quan Văn phòng Sở, đảm bảo vận hành ổn định IPv6, đáp ứng yêu cầu truy cập dữ liệu và tăng cường độ bảo mật; dự kiến xây dựng cơ sở dữ liệu ngành KH&CN; nâng cấp hệ thống đường truyền thông tin chất lượng cao đáp ứng tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực KH&CN. Xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trong đơn vị. Chuyển đổi mạng Internet sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Dịch vụ trực tuyến của các cơ quan sử dụng tên miền quốc gia (.vn). Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT).

Chuyển đổi số đã có những tác động không nhỏ đến tư duy, nhận thức, hành động của các cấp, ngành, các nhà quản lý, các công chức, viên chức, doanh nhân và cả người dân. Vai trò của chuyển đổi số đã trở nên quan trọng, thiết thực đối với sự phát triển kinh tế, mọi mặt của đời sống xã hội. Sở KH&CN quyết tâm thực hiện tốt Nghị quyết chuyển đổi số, hoàn thành tốt các chỉ tiêu đặt ra cho từng giai đoạn đến 2025 và 2030. Quyết tâm thực hiện đồng bộ các giải pháp, thực hiện đồng bộ đối với các nội dung thuộc chức năng quản lý nhà nước được giao./.

NHÌN LẠI KẾT QUẢ THỰC HIỆN

ĐỀ ÁN “HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025” TỈNH THÁI NGUYÊN

TS. Hoàng Thị Thúy Hà - Trưởng phòng Quản lý Công nghệ,
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

Nhằm tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, Thủ tướng Chính Phủ đã ban hành Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025” (Đề án 844); Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09/2/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg. Đây là sự quan tâm rất lớn của Chính phủ trong việc thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

Để triển khai các nội dung của Đề án, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm cụ thể hóa các mục tiêu và nội dung của Đề án phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn của tỉnh Thái Nguyên. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, tổ chức tập huấn, đào tạo bồi dưỡng về kiến thức khởi nghiệp nhằm thúc đẩy hình thành các doanh

nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Sau hơn 5 năm triển khai thực hiện đã đạt được một số kết quả sau:

Giai đoạn 2017-2021, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 30/6/2017 về “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025”; Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 13/7/2018 về thực hiện Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2018-2025”; Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 Quy định về nội dung và mức chi thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và tổ chức các hội thi, cuộc thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 05/6/2020 về “Hỗ trợ hệ sinh thái Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Thái Nguyên năm 2020”; Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 17/8/2020 về “Thực hiện nhiệm vụ cải thiện chỉ số Đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2020 và các năm tiếp theo”. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;



Hình ảnh: Lễ ký kết chương trình phối hợp hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025

Thúc đẩy hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp và hoạt động khởi nghiệp ĐMST tại tỉnh Thái Nguyên; Tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, tập trung vào các ngành, lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Góp phần tạo việc làm, tăng năng suất lao động, đóng góp vào quá trình thúc đẩy và nâng cao chất lượng, tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững.

Phối hợp với Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp KH&CN - Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội thảo liên kết vùng, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST vùng Trung du miền núi phía Bắc; tổ chức

Diễn đàn về khởi nghiệp cho thanh niên với chủ đề "Khởi nghiệp sao cho đúng"; Phối hợp với Học viện phụ nữ Việt Nam tổ chức tập huấn "Khởi nghiệp thông minh" cho phụ nữ; Phối hợp với Trung tâm đào TSC – Cục phát triển Thị trường và doanh nghiệp KH&CN tập huấn kiến thức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho sinh viên, thanh niên, phụ nữ; Phối hợp với Báo diễn đàn Doanh nghiệp - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức tập huấn kỹ năng, cố vấn về khởi nghiệp ĐMST cho doanh nhân, giảng viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Trường Đại học Kinh tế Quốc dân tổ chức chuỗi đào tạo về khởi nghiệp sáng tạo. Thông qua các cuộc hội nghị, hội thảo, tổ chức các lớp tập huấn đã góp phần nâng cao nhận thức về khởi nghiệp ĐMST cho đội ngũ cán bộ, công

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

chức, viên chức, học sinh, sinh viên, các tập thể, cá nhân, doanh nghiệp, từ đó nâng cao chất lượng nguồn lực cho hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST của tỉnh Thái Nguyên.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, nâng cao kiến thức, chính sách về khởi nghiệp ĐMST luôn được Sở Khoa học và Công nghệ quan tâm, chú trọng và được tổ chức triển khai, phổ biến đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh thông qua nhiều hình thức: Phổ biến trên trang thông tin điện tử của các cơ quan, trên Đài phát thanh - truyền hình Thái Nguyên; ấn phẩm thông tin Khoa học và Công nghệ; phóng sự truyền hình, ngoài ra hình thức tuyên truyền còn được lồng ghép trong các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo, diễn đàn... Xây dựng các chuyên mục, phóng sự truyền hình về hoạt động khởi nghiệp ĐMST trên địa bàn tỉnh phát sóng 1 số/tháng để tuyên truyền các dự án, mô hình điển hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành công; cung cấp các thông tin về công nghệ, sáng chế, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân phục vụ hoạt động khởi nghiệp. Theo đó nhiều sự kiện tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp ĐMST đã diễn ra trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể:

- Năm 2017, tỉnh Thái Nguyên đã phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thành công Hội thảo khoa học liên kết vùng xây dựng Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng Trung du miền núi phía Bắc, và Cuộc thi tìm kiếm tài năng khởi nghiệp

ĐMST tỉnh Thái Nguyên.

- Hỗ trợ tổ chức các hoạt động thúc đẩy khởi nghiệp ĐMST về địa điểm tổ chức, gian hàng trưng bày, truyền thông cho sự kiện khởi nghiệp, trao thưởng cho các ý tưởng đạt giải trong các cuộc thi như: Diễn đàn thắp lửa và kết nối khởi nghiệp và Cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp Đại học Thái Nguyên lần 1 năm 2017, lần 2 năm 2018 và lần 3 năm 2019; Ngày hội phụ nữ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021; Cuộc thi Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp thanh niên lần thứ nhất năm 2019, lần 2 năm 2021; Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Thái Nguyên năm 2020 - Khởi nghiệp trên Thủ đô kháng chiến; Cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp lần thứ 4 năm 2021 khởi nghiệp trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Kết quả các cuộc thi đã tìm ra được những ý tưởng sáng tạo và được trao giải, một số ý tưởng đổi mới sáng tạo đã được hỗ trợ kinh phí, khuyến khích hoàn thiện ý tưởng, công nghệ thông qua thực hiện các nhiệm vụ về khoa học và công nghệ để tạo ra sản phẩm hướng đến thương mại hóa và hỗ trợ tham gia Ngày hội khởi nghiệp ĐMST quốc gia (Techfest) do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức hàng năm.

Sau cuộc thi một số ý tưởng đã hình thành doanh nghiệp điển hình như Công ty cổ phần KH&CN SCITECH hình thành từ ý tưởng "Anti - HPpro sự khác biệt từ thiên nhiên" (Ý tưởng top 10 Techfest Việt Nam



Hình ảnh: Chương trình phát động cuộc thi Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp thanh niên tỉnh Thái Nguyên 2019

năm 2017). Ý tưởng này đã được cấp bằng độc quyền sáng chế; được đưa vào Sách vàng sáng tạo Việt Nam năm 2019. Dự án cũng được Quỹ Newton của Viện Hàn lâm kỹ thuật Hoàng gia Anh tài trợ thương mại kết quả nghiên cứu tại Anh năm 2019.

Từ những kết quả đạt được hoạt động khởi nghiệp, ĐMST đã góp phần giúp tỉnh Thái Nguyên được nhận Bằng khen “Thành phố hấp dẫn Khởi nghiệp Đổi mới Sáng tạo” năm 2020. Đặc biệt, năm 2021 tỉnh Thái Nguyên vinh dự đạt Giải thưởng “Thành phố thông minh Việt Nam năm 2021”.

Có thể nói hoạt động khởi nghiệp ĐMST trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, của hệ thống chính trị, sự nhiệt tình tham gia và hỗ trợ, đồng hành của doanh nhân, doanh nghiệp. Sự tích cực, chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ

hoạt động khởi nghiệp ĐMST của tỉnh. Hình thành được Quỹ hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp ĐMST; hình thành nhiều nhóm nghiên cứu, có nhiều doanh nghiệp đổi mới sáng tạo đi vào hoạt động, các thành tố của hệ sinh thái khởi nghiệp đã được thiết lập và phát triển, góp phần thúc đẩy phong trào khởi nghiệp ĐMST của tỉnh.

Mặc dù tỉnh Thái Nguyên đã có nhiều hoạt động hỗ trợ, từ việc xây dựng thể chế, tổ chức truyền thông, hoạt động kết nối các thành tố trong hệ sinh thái nhằm thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, kết quả đạt được còn khiêm tốn. Chưa phát huy được hết tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, sự ủng hộ của các ngành, các cấp; hệ thống các trường đại học; các doanh nghiệp; nguồn nhân lực chất lượng cao... Để tiếp tục thúc đẩy, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST, cần triển khai đồng bộ một số giải pháp sau:



Hình ảnh: Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Thái Nguyên năm 2020.
Hội thảo Khởi nghiệp trên thủ đô kháng chiến

- **Tiếp tục lồng ghép các hoạt động, sự kiện** trọng tâm trong hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST. Triển khai hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với hoạt động đổi mới công nghệ; chuyển giao công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp ĐMST; nâng cao năng lực ĐMST trong doanh nghiệp.

- **Nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền; đào tạo, bồi dưỡng, ươm tạo:** Tiếp tục đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền sâu rộng trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực, dịch vụ cho hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tăng cường tổ chức hội thảo công bố và chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; mở

rộng và phát triển quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp. Xây dựng các chuyên mục, phóng sự về hoạt động khởi nghiệp ĐMST; thông tin, tuyên truyền các cơ chế chính sách hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST; giới thiệu các điển hình khởi nghiệp thành công đến với các tầng lớp thanh niên, sinh viên, học sinh, các nhà khoa học, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh.

- **Nhóm giải pháp về phát triển, nâng cao năng lực cho các thành phần hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:** Tăng cường ươm tạo các ý tưởng, sáng chế, giải pháp hữu ích có khả năng khai thác thương mại hình thành từ các cuộc thi, hội thi sáng tạo được lựa chọn; khơi dậy tinh thần khởi nghiệp trong cộng đồng và xã hội; kết nối,

giới thiệu các ý tưởng đổi mới sáng tạo để phát triển thành sản phẩm, đến khi thành lập doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh. Thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm khoa học và công nghệ bằng việc kết nối giữa sinh viên và các nhà nghiên cứu để khởi nghiệp, các nhà nghiên cứu với doanh nghiệp, các doanh nghiệp với sinh viên.

- **Nhóm giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phát triển sản phẩm và thị trường:** Hình thành không gian làm việc chung (co-working space) với những chức năng hỗ trợ phù hợp sự hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST của tỉnh. Đa dạng và nâng cao chất lượng các dịch vụ công liên quan đến ứng dụng chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Nâng cao năng lực và phát huy vai trò hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST của các tổ chức, cá nhân về đẩy mạnh các hoạt động khởi nghiệp và ĐMST. Triển khai tiếp nhận và hỗ trợ phát triển các sản phẩm, giải pháp ĐMST. Thông tin đến các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia các chợ công nghệ thiết bị. Phát triển thị trường khoa học công nghệ nhằm kết nối chuyển giao công nghệ; tạo điều kiện các sáng chế, kết quả nghiên cứu có tiềm năng thương mại hóa; phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ. Tổ chức các cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp và dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- **Nhóm giải pháp về kết nối và hỗ trợ**

hoạt động hệ sinh thái khởi nghiệp: Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và ĐMST, gắn kết, hợp tác giữa các viện, trường, trung tâm nghiên cứu với khu vực công nghiệp và doanh nghiệp. Có cơ chế, chính sách thu hút mạnh các nguồn lực khoa học và công nghệ từ doanh nghiệp, nhất là chính sách hỗ trợ đào tạo thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước tham gia đầu tư cùng doanh nghiệp phát triển sản xuất. Tăng cường xây dựng và triển khai các nhiệm vụ liên kết vùng khai thác và phát triển các sản phẩm có lợi thế của địa phương.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025 với nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học và công nghệ là “Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; thúc đẩy hoạt động ĐMST, chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tăng cường đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ gắn với các lĩnh vực ưu tiên”. Vì vậy, trong thời gian tới tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đặc biệt là hỗ trợ chuyển giao công nghệ mới, nâng cao năng lực ĐMST cho doanh nghiệp góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng./.

Vai trò của thanh niên **TRONG THAM GIA THỰC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ**

ThS. Nguyễn Dung - Ủy viên BCH đoàn khối Khóa VIII,
Bí thư Chi đoàn Sở Khoa học và Công nghệ

Chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số được xác định là một trong những động lực, ưu tiên hàng đầu trong bối cảnh Việt Nam chuyển sang giai đoạn phục hồi, phát triển kinh tế. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số trở thành yêu cầu tất yếu, khách quan, tạo động lực cho sự đột phá phát triển toàn diện của xã hội. Hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của Chính phủ và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị.

Chuyển đổi số không xa vời mà nó gắn liền trong các hoạt động, công việc của mỗi cá nhân, đơn vị, như một cuốn sách được số hoá dữ liệu trên ứng dụng, một quy trình được điện tử trên hệ thống. Chính vì vậy lực lượng đoàn viên, thanh niên đại diện cho "thế hệ trẻ" càng cần phải thể hiện vai trò xung kích của mình trong hoạt động chuyển đổi số. Đoàn viên thanh niên cần tham gia vào nhiệm vụ với vai trò là lực lượng nòng cốt, là hạt nhân như lời kêu gọi "Thanh niên Việt Nam hãy nắm ngọn cờ chuyển đổi số" của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng: "Nếu

mỗi Đoàn viên trở thành một hạt nhân để lan tỏa kỹ năng số đến từng gia đình thì việc phổ cập kỹ năng số cho người dân sẽ trở thành nhiệm vụ khả thi hơn nhiều.... Có lý tưởng lớn, có sứ mệnh cao và niềm tin vào nó sẽ tạo ra sức mạnh tinh thần cho thanh niên. Ngọn cờ cao sẽ hội tụ được mọi thanh niên, đoàn kết được 22 triệu thanh niên Việt Nam và sức mạnh này sẽ là vô địch. Thanh niên Việt Nam hãy cầm ngọn cờ chuyển đổi số Việt Nam biến Việt Nam thành quốc gia số thịnh vượng. Ngọn cờ này đủ lớn, đủ cao để hội tụ thanh niên. Ngọn cờ này đủ khát vọng để thanh niên sẵn sàng đi đầu, dấn thân, hy sinh. Đất nước đã gọi tên Thanh niên trong sự nghiệp giành độc lập, chống ngoại xâm, thống nhất đất nước, thì nay đất nước gọi tên thanh niên trong sự nghiệp chấn hưng đất nước... Ngọn cờ đi đầu, đi tiên phong về chuyển đổi số được giao cho thanh niên. Chúng tôi có niềm tin vững chắc rằng sứ mệnh chuyển đổi số sẽ thay đổi thanh niên Việt Nam và thay đổi Việt Nam".

Đối với ngành khoa học và công nghệ, hoạt động chuyển số được Lãnh đạo Ngành thường xuyên quan tâm và chỉ đạo trong các cuộc họp, diễn đàn và toạ đàm. Tại Đại

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đăng ký chứng thư số để ký số trong công việc hàng ngày.

Chuyển đổi số cần gắn liền với an toàn, an ninh, bảo mật thông tin trên môi trường mạng, việc sử dụng chữ ký số để xác thực thông tin là điều tất yếu để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số. Tại Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai sử dụng chữ ký trong quá trình giải quyết công việc đến từng cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt đội ngũ đoàn viên thanh niên đã tích cực triển khai thực hiện nhằm tinh gọn quá trình xử lý công việc trên môi trường mạng.

Đăng ký tài khoản định danh trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Việc lập tài khoản định danh trên Cổng dịch vụ công quốc gia là bước đầu tiên để bắt đầu chuyển đổi thực hiện thủ tục hành chính một cách truyền thống sang môi trường số. Sử dụng dịch vụ công trực tuyến giúp giảm thời gian, chi phí đi lại cho việc gửi hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến giúp tổ

The screenshot shows the homepage of the 'CỔNG DỊCH VỤ CỘNG TRỰC TUYẾN TỈNH THÁI NGUYÊN'. At the top, there's a green banner with the logo of the Socialist Republic of Vietnam and the text 'CỔNG DỊCH VỤ CỘNG TRỰC TUYẾN TỈNH THÁI NGUYÊN'. Below the banner, there's a navigation bar with links: TRANG CHỦ, DỊCH VỤ HỘ KHẨU, DỊCH VỤ CỘNG, THỐNG KÊ, TRẠM CỨU HỒ SƠ, HỘ KHẨU, TƯ VẤN TOÀN, CÁNH GIÁ, PHẢN ÁP KIỂM NGHIỆP, HỖ TRỢ, and Thời gian 07/05/2023. The main content area has a title 'DANH SÁCH DỊCH VỤ CỘNG' and a search form. The search form includes fields for 'Tên dịch vụ công/ Thủ tục hành chính', 'Nhập tên', 'Cấp thực hiện' (dropdown: Tất cả cấp), 'Mục độ' (dropdown: Tất cả mức độ), 'Loại dịch vụ bưu điện' (dropdown: Chọn loại dịch vụ bưu), 'Cơ quan thực hiện' (dropdown: Sở Khoa học và Công nghệ), 'Lĩnh vực' (dropdown: Tất cả lĩnh vực), and a 'Tìm kiếm' button. On the right side, there's a sidebar titled 'CƠ QUAN THỰC HIỆN' with a list of government departments: Sở Nội vụ, Sở Ngoại Vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa thể thao du lịch, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, and Sở Giáo dục và Đào tạo. At the bottom, there are pagination controls: Trang 1 / 3+, 20 kết quả trên mỗi trang, Hiển thị 1 | 20 | 50 | Tất cả, and links for Tùy chỉnh, Trang trước, Tiếp, Cuối.

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

chức, cá nhân có thể giao dịch 24/24 giờ trong ngày, tại bất cứ đâu có internet; tăng tính công khai, minh bạch của thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm, trình độ chuyên môn và kiến thức về công nghệ thông tin của đội ngũ công chức. Toàn bộ dịch vụ công trực tuyến của Sở Khoa học và Công nghệ được cung cấp tại web: <https://dichvucông.thainguyen.gov.vn> mang lại nhiều hiệu quả trong hoạt động quản lý và tiện ích cho người dân, doanh nghiệp.

Cập nhật thông tin đoàn viên trên "Ứng dụng thanh niên Việt Nam".

Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh triển khai ứng dụng di động Thanh niên Việt Nam góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục; nắm bắt, phản ánh tình hình tư tưởng trong đoàn viên, hội viên, thanh niên; cung cấp thông tin chính xác, hiệu quả, kịp thời tới đoàn viên, hội viên, thanh niên, đặc biệt là thông tin cơ bản về tổ chức Đoàn, Hội trên môi trường số. Qua đó hình thành nền cơ sở dữ liệu điện tử về đoàn viên trên toàn quốc,



Hình ảnh nhìn từ Ứng dụng thanh niên
Việt Nam

tăng hiệu quả quản lý đoàn viên, bảo đảm kết nối liên thông với nhiều cơ sở dữ liệu khác trên môi trường số, có thể hỗ trợ tích cực trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến đoàn viên, thanh niên; là nền tảng triển khai các hoạt động, chương trình trực tuyến.

Ngoài ra sự hiện diện, tham gia thực hiện hàng loạt các hoạt động, chương trình khác (cài đặt ứng dụng sổ tay điện tử Đảng viên, tham gia các chương trình tập huấn về chuyển đổi số, hướng dẫn bà con vùng nông thôn cài đặt các phần mềm điện tử C-Thái Nguyên, sổ sức khỏe điện tử...) cho thấy đoàn viên, thanh niên của ngành Khoa học và Công nghệ luôn luôn là một phần trong công cuộc chuyển đổi số qua từng hoạt động nhỏ, qua từng hành động gắn với đời sống, qua những việc làm rất đời thường.

Có thể khẳng định một lần nữa, thanh niên có vai trò rất quan trọng trong tiến trình thúc đẩy chuyển đổi số và đặc biệt là gắn với công tác cải cách hành chính. Trong giai đoạn tiếp theo, để có thể phát huy lợi thế là lực lượng trẻ tuổi, có khả năng tiếp cận nhanh các xu hướng mới, hiện đại thông qua các thiết bị công nghệ và môi trường mạng, đội ngũ cán bộ trẻ, đoàn viên thanh niên cần tiếp tục phát huy những vai trò sau:

Thứ nhất, luôn tiên phong, xung kích, đi đầu sáng tạo trong các hoạt động chuyển đổi số, đồng thời nâng cao nhận thức, kiến thức để bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật



*Đoàn viên tham gia hướng dẫn cài đặt và sử dụng các phần mềm
cần thiết cho Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương huyện Võ Nhai*

thông tin trong chuyển đổi số.

Thứ hai, thường xuyên nghiên cứu đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Thứ ba, quan tâm thực hiện số hóa thông tin, tài liệu và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cập nhật, bổ sung cơ sở dữ liệu điện tử, tiến tới sẽ kết nối, chia sẻ và sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

Thứ tư, nâng cao vai trò tuyên truyền, phổ biến thông tin về chuyển đổi số đến mỗi cá nhân, người thân và cộng đồng xung quanh.

Thứ năm, nâng cao vai trò tham mưu, đề

xuất, đóng góp các giải pháp, sáng kiến về quy trình, cơ chế chuyển đổi số từ mô hình, cách thức làm việc truyền thống sang mô trường điện tử, các cách làm mới, cách làm tinh gọn quy trình giải quyết thủ tục hành chính, giải quyết công việc chuyên môn.

Chuyển đổi số trong thời gian tới không chỉ là vấn đề công nghệ mà là vấn đề chiến lược, trách nhiệm. Chuyển đổi số là chuyển đổi cách nghĩ mới, cách làm mới để bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, cùng sự xung kích, tiên phong, sáng tạo của thanh niên, chúng ta tin tưởng chuyển đổi số sẽ mang lại thành công, tạo được động lực mới, nguồn lực mới cho sự bứt phá đi lên mạnh mẽ của địa phương trong thời gian tới.

“Chuyển đổi số không xa vời với đoàn viên, thanh niên, hãy bắt đầu chuyển đổi số ngay hôm nay, từ những điều nhỏ nhất”./.

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH VỚI CÔNG TÁC ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO SÁNG TẠO KHOA HỌC KỸ THUẬT

ThS. Hoàng Thị Quỳnh Ngân

– *Tổng thư ký Liên hiệp Hội KH&CN tỉnh Thái Nguyên*

Trong những năm gần đây, phong trào sáng tạo khoa học kỹ thuật diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ trên toàn quốc thông qua các hội thi, cuộc thi, giải thưởng liên quan đến khoa học công nghệ (KHCN) và sáng tạo kỹ thuật (STKT).

Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần đầu tiên được tổ chức vào năm 1989 với mục đích nhằm đẩy mạnh, lan tỏa phong trào lao động sáng tạo của quần chúng nhân dân, tạo ra bước phát triển mới về khoa học công nghệ và góp phần phát triển kinh tế, xây dựng đất nước. Tính đến nay, Hội thi đã được tổ chức 16 lần (2 năm/1 lần), có khoảng 7.000 giải pháp dự thi và gần 1.000 giải pháp được trao giải. Các giải pháp đoạt giải đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất và đời sống, giải quyết các yêu cầu của thực tiễn, mang lại hiệu quả kinh tế-xã hội cao. Từ khi chỉ có 35 tỉnh, thành phố, cơ quan ngang bộ tổ chức hội thi, đến nay đã có 56 đơn vị tổ chức với đối tượng tham gia dự thi rất rộng rãi, từ nông dân, công nhân đến thanh, thiếu niên... Riêng năm 2022, đã có 55 tỉnh, thành phố, bộ, ngành trong cả nước gửi hồ sơ tham dự hội thi.

Đối với tỉnh Thái Nguyên, từ năm 2001, Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh chính thức được phát động. Ngay sau khi Liên hiệp các

Hội KH&KT tỉnh (Liên hiệp hội) được thành lập (2002), từ năm 2003, UBND tỉnh đã giao Liên hiệp hội là cơ quan chủ trì tổ chức Hội thi. Hội thi được tổ chức thường niên 02 năm/lần nhằm "Thúc đẩy phong trào thi đua lao động sáng tạo, khai thác, phát huy tiềm năng sáng tạo to lớn của tất cả các tầng lớp nhân dân, không ngừng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nhanh chóng ứng dụng các tiến bộ KHCN vào mọi lĩnh vực sản xuất, đời sống, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH và sự nghiệp CNH-HĐH của Tỉnh". Đến nay, Liên hiệp hội Thái Nguyên đã phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thành công 10 lần Hội thi STKT cấp tỉnh. Trong quá trình triển khai Hội thi, Liên hiệp hội đã phối hợp với các đơn vị cấp Ngành thực hiện việc tuyên truyền, phát động Hội thi trên địa bàn toàn tỉnh bằng nhiều hình thức: phát hành tờ rơi hướng dẫn tham gia Hội thi; đăng tải Thể lệ Hội thi và hướng dẫn tham dự Hội thi trên Website và trên ấn phẩm "Thông tin khoa học và công nghệ" của Liên hiệp hội; đăng tải thông tin về tổ chức Hội thi, các hoạt động tổ chức hội thi, các điển hình về sáng kiến trên báo Thái Nguyên, Đài phát thanh - truyền hình Tỉnh. Qua 10 lần tổ chức Hội thi, Ban Tổ chức đã nhận được 343 giải pháp STKT của các tập thể, cá nhân trên địa bàn

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

tỉnh tham dự và đã xét chọn, trao 12 giải Nhất, 27 giải Nhì, 51 giải Ba, 109 giải Khuyến khích với tổng số tiền thưởng 878 triệu đồng. Trong đó, nhiều công trình, giải pháp có giá trị ứng dụng cao như giải pháp “Nghiên cứu thiết kế và chế tạo máy hỗ trợ thở cho bệnh nhân hô hấp” của nhóm tác giả: Nguyễn Văn Chí, Trần Thiện Dũng, Nguyễn Văn Tùng - Viện nghiên cứu phát triển công nghệ cao về kỹ thuật công nghiệp. Giải pháp này căn cứ vào tình hình thực tế của Việt Nam trong việc nhập khẩu các loại máy thở trong điều trị Covid -19 nói riêng và các bệnh về hô hấp nói chung. Một trong những hiệu quả kỹ thuật của giải pháp này mang lại là chủ động được thuật toán điều khiển máy thở, từ đó có thể nâng cấp, cải tiến cài đặt thêm các thuật toán hỗ trợ thở cho đa dạng, phù hợp với đặc điểm và thể trạng của người Việt Nam. Hay đề tài “Thiết kế, chế tạo tủ điều khiển động cơ ba pha công suất lớn” của nhóm tác giả: Vũ

Đinh Trung và Đoàn Văn Loan (Trường Đại học Việt Bắc và Công ty cổ phần Hoàng Thái). Sản phẩm của đề tài này là sản phẩm của sự liên kết giữa Trường Đại học và Doanh nghiệp và đã trở thành hàng hóa trên thị trường, rất có triển vọng phát triển trong tương lai.

Bên cạnh đó, Liên hiệp hội cũng đã phối hợp với Tỉnh Đoàn Thái Nguyên trong công tác chấm, chọn và xét giải Cuộc thi Sáng tạo dành cho thanh thiếu niên - nhi đồng tỉnh Thái Nguyên lần I, II, III. Kết quả từ Cuộc thi lần này, ý tưởng của các em học sinh trường THPT Trại Cau - Đồng Hỷ đã được Ban tổ chức Cuộc thi Sáng tạo dành cho thanh thiếu niên - nhi đồng toàn quốc trao giải Khuyến khích.

Tỉnh Thái Nguyên đã tham gia hưởng ứng Giải thưởng sáng tạo KH&CN Việt Nam từ năm 2016 đến năm 2021, Liên hiệp hội được UBND tỉnh giao là cơ quan thường trực Giải thưởng tại tỉnh Thái Nguyên. Liên hiệp



Đ/c Phạm Quốc Chính – Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phát động
Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Thái Nguyên lần thứ XI

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

hội đã tuyên truyền Giải thưởng trên địa bàn toàn tỉnh, tiếp nhận, xét chọn 20 hồ sơ tham dự. Kết quả, đã có 01 đề tài đoạt giải Nhì, 02 đề tài đoạt giải Ba, 02 đề tài đoạt giải Khuyến khích. Tiêu biểu có đề tài "Nghiên cứu chế tạo phân bón nhả chậm thông minh, thân thiện môi trường ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp" TS Trần Quốc Toàn và các cộng sự - Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên. Đề tài đã nghiên cứu ứng dụng thử nghiệm phân bón nhả chậm cho một số cây trồng (cây bí xanh, cây chè) ở tỉnh Thái Nguyên, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội, quá trình hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, góp phần phát triển nền nông nghiệp xanh, sạch và bền vững, đồng thời mở ra hướng phát triển trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, ứng phó với biến đổi khí hậu theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Với thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền Giải thưởng/Hội thi, năm 2019, Liên hiệp hội Thái Nguyên đã được Ban Tổ chức Giải thưởng/Hội thi toàn quốc tặng Giấy khen.

Có thể thấy, sáng tạo kỹ thuật chính là đòn bẩy khuyến khích, khơi dậy sự quan tâm của toàn dân, đẩy mạnh đầu tư cho các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, góp phần vào quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Qua đó, sẽ phát hiện những nhân tố điển hình, làm nòng cốt cho phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật và tổng kết được những giải pháp kỹ thuật mới để phổ biến áp dụng vào thực tế sản xuất và đời sống.

Để phong trào sáng tạo kỹ thuật và Giải

thưởng KH&CN thực sự có sức lan tỏa trên địa bàn toàn tỉnh, trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là: Các cấp ủy Đảng và người đứng đầu các cơ quan chuyên môn phải thực sự quan tâm đến hoạt động về KHCN, coi sự sáng tạo trong KHCN là nguồn lực quyết định cho sự phát triển của đơn vị, địa phương.

Hai là: Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về Hội thi/Giải thưởng trên các phương tiện thông tin đại chúng tới đông đảo đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức, lao động, đoàn viên, hội viên của các cơ quan, doanh nghiệp, trường học và cộng đồng nhân dân nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sáng tạo của toàn dân, thúc đẩy việc áp dụng có hiệu quả các giải pháp kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Ba là: Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị mình tích cực hưởng ứng tham gia Hội thi và đăng ký giải pháp tham dự Hội thi; Khuyến khích các ngành, địa phương, doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị, các tổ chức hội... phát động tổ chức phong trào sáng tạo kỹ thuật.

Việc triển khai có hiệu quả Giải thưởng/Hội thi sẽ tạo điều kiện khuyến khích, động viên, các nhà khoa học, đội ngũ trí thức cũng như đông đảo quần chúng nhân dân tích cực tham gia, góp phần nâng cao năng suất lao động, khả năng tư duy sáng tạo trong học tập và nghiên cứu phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội./.

CÔNG TÁC THANH TRA GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Trần Việt Anh - Thanh tra Sở KH&CN

Từ xưa đến nay, Vàng luôn được coi là một mặt hàng quý giá, là vật lưu trữ giá trị tốt vì giá của nó có xu hướng tăng khi chi phí sinh hoạt tăng nên mọi người thường mua vàng để tích trữ khi lạm phát gia tăng, đồng nội tệ mất giá. Đồng thời vàng được gia công chế tác làm đồ trang sức, trang trí mỹ thuật có giá trị thẩm mỹ cao, được nhiều người yêu thích, ưa chuộng nên hoạt động mua bán trao đổi vàng trang sức luôn diễn ra sôi nổi, thị trường nhiều biến động thì càng dễ phát sinh những gian lận về đo lường, chất lượng nhằm trực lợi không hợp pháp.

Để thống nhất thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản suất, gia công, chế tác, kinh doanh vàng (gồm vàng miếng, vàng trang sức mỹ nghệ), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 24/2012/NĐ-CP

ngày 03/4/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng (sau đây gọi là Nghị định số 24/2012/NĐ-CP); đồng thời Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) cũng đã ban hành Thông tư 22/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013, Quyết định 1550/QĐ-KHCN ngày 25/6/2014 quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ (sau đây gọi là Thông tư 22/2013/TT-BKHCN) nhằm bảo đảm công khai, minh bạch về đo lường và chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường, giúp bảo vệ quyền lợi người đầu tư, tiêu dùng, các doanh nghiệp kinh doanh chân chính.

Theo Nghị định 24/2012/NĐ-CP, hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng; sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ là hoạt động



KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Kiểm tra cơ sở kinh doanh vàng bạc Trung Sinh, thành phố Phổ Yên, Thái Nguyên

kinh doanh có điều kiện và phải được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ; còn đối với hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ là hoạt động kinh doanh có điều kiện không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

Để thống nhất quản lý về tiêu chuẩn, đo lường chất lượng đối với các mặt hàng vàng trang sức, mỹ nghệ (có hàm lượng vàng từ 8K trở lên, tương đương 33,33%) theo quy định tại Thông tư 22/2013/TT-BKHCN thì trước khi lưu thông trên thị trường, nhà sản xuất, nhập khẩu phải thực hiện các quy định sau:

Thứ nhất: Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với các sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ theo quy định. Việc công bố tổ chức, cá nhân tự thực hiện theo một trong các cách thức như: (i) Trên bảng niêm yết giá; (ii) Trên bao bì của sản phẩm; (iii) Trên nhãn hàng hóa; (iv) Trên tài liệu kèm theo sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ.

Thứ hai: Ghi nhãn đối với vàng trang sức, mỹ nghệ theo quy định tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định

111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021), đảm bảo ghi đầy đủ, rõ ràng các thông tin bắt buộc về sản phẩm hàng hóa (như tên hàng hóa; tên và địa chỉ tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa; hàm lượng vàng; khối lượng vàng, mã ký hiệu sản phẩm ...).

Thứ ba: Bảo đảm về chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng và hàm lượng đóng trên từng sản phẩm; thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường đối với lượng vàng trang sức được bán ra (như sử dụng cân có phạm vi đo và giá trị độ chia phù hợp với lượng vàng bán ra; định kỳ kiểm định, tự kiểm tra phương tiện đo trong mua bán vàng).

Đồng thời các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vàng phải chịu sự thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật và tuân thủ quyết định thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên khoảng 50 Doanh nghiệp kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ. Tuy nhiên hoạt động mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh vẫn chủ yếu tập trung tại một vài cơ sở kinh doanh lớn, đã gây dựng được uy tín trên thị trường từ nhiều năm nay như

Vàng bạc Quý Tùng, Minh Phúc, Kim Quy, Hồng Hải, Văn Phúc, Trung Sinh, Hùng Cường.... Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng tại đại phuơng, những năm qua Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên đã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra các tổ chức sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ trong việc chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng và hạn chế vi phạm trong kinh doanh vàng trang sức mỹ nghệ trên địa bàn Tỉnh.

Theo Kế hoạch thanh tra năm 2022, vừa qua Sở KH&CN đã tổ chức cuộc thanh tra việc chấp hành các quy định về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và năng lượng nguyên tử trong hoạt động kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ đối với 18 Doanh nghiệp trên trên địa bàn Tỉnh. Qua thanh tra thực tế cho thấy nhìn chung các cơ sở đã cơ bản chấp hành các quy định về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa trong sản xuất, kinh doanh các sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ như: Thực hiện việc công bố và lưu giữ hồ sơ công bố tiêu chuẩn chất lượng; việc kiểm soát chất lượng sản phẩm được thực hiện thường xuyên bằng máy đo tuồi vàng tại doanh nghiệp hoặc tại đơn vị được công nhận; đa số các sản phẩm vàng trang sức đã có nhãn ghi các nội dung theo quy định; phương tiện đo phục kinh doanh vàng có phạm vi đo và độ chính xác phù hợp với lượng vàng cần đo, đã được kiểm định và còn trong thời hạn có giá trị của chúng chỉ

kiểm định; khối lượng vàng bán ra phù hợp với lượng công bố trên sản phẩm. Tại các đơn vị có sử dụng thiết bị chứa nguồn phóng xạ phục vụ đo tuồi vàng đã chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ và an toàn bức xạ như: đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (giấy phép còn hiệu lực); đồng vị phóng xạ đang sử dụng tại cơ sở phù hợp với giấy phép được cấp; xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ tại đơn vị; định kỳ hàng năm đã tiến hành kiểm xá khu vực làm việc của nhân viên bức xạ; trang bị liều kế cá nhân cho nhân viên bức xạ tại cơ sở... Tuy nhiên, tại một số Doanh nghiệp được thanh tra do nhận thức và chưa kịp thời tìm hiểu, cập nhật những quy định liên quan nên thực hiện chưa đúng, còn để xảy ra sai phạm. Các hành vi vi phạm quy định về tiêu chuẩn, đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa và an toàn bức xạ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ tại các đơn vị đã bị xử phạt hành chính theo đúng quy định với tổng số tiền xử phạt là 36 triệu đồng (nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định).

Thông qua các hoạt động thanh tra, kiểm tra tại các doanh nghiệp kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn Tỉnh trong thời gian qua, Sở KH&CN đã tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc chấp hành các quy định liên quan, đồng thời phát hiện những sơ hở trong quản lý và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, gian lận về đo lường, chất lượng từ đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa nói chung và mặt hàng vàng trang sức, mỹ nghệ nói riêng./.

KHỞI NGHIỆP TỪ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

PGS.TS. Phạm Thành Long - Phòng KHCN&HTQT
Trường ĐHKT Công Nghiệp

Khởi nghiệp (Start up) là từ khóa được chú ý nhiều những năm gần đây, về nghĩa đen nó tức là ai đó, chủ thể nào đó bắt đầu xây dựng sự nghiệp của họ, nhưng mới ở những bước đầu tiên và mục tiêu của họ là tạo ra một hay nhiều loại hàng hóa, dịch vụ mà người khác chi trả cho sản phẩm này khi tiêu dùng. Trong khuôn khổ bài viết này tác giả xin bàn về khởi nghiệp ở các trường đại học, những cơ hội và thách thức mà nó đặt ra trong điều kiện hiện nay.

Trước hết hãy bàn về thực trạng phong trào khởi nghiệp ở trường đại học hiện nay, hàng năm có thể dễ dàng bắt gặp một hay nhiều cuộc thi tổ chức theo kiểu phong trào nhằm lựa chọn một vài công trình tiêu biểu ở cấp cơ sở để dự thi ở các cấp cao hơn. Thông thường cách tổ chức này kết thúc bằng một vài giải thưởng, một vài cá nhân được vinh danh và rất ít các công trình kiểu này có sự phát triển về lâu dài. Nguyên nhân chính ở đây có lẽ nằm ở việc bản thân các công trình này làm ra để đi thi và nó ít được đánh giá ở góc độ tự sinh tồn trên thực tế mà chủ yếu là các trình diễn ở góc độ sân khấu với một ban giám khảo không chuyên. Với kinh nghiệm tổ chức hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của cá nhân tác giả, trong số các công trình đạt giải các năm qua không có một sản phẩm hay dịch vụ nào thực sự đã

phát triển ra khỏi khuôn khổ các cuộc thi, do đó cần nhìn nhận lại thế nào là một dự án khởi nghiệp nghiêm túc.

Đầu tiên là một dự án khởi nghiệp nghiêm túc không thể thiếu đó là các sản phẩm hay dịch vụ mà nó tạo ra phải có thị trường và phải có doanh số. Từ góc độ các cuộc thi khởi nghiệp ở trường đại học chúng tôi nhận thấy, các dự án đều có yếu tố này và ở mức độ nào đó người ta có nhu cầu nhất định với chúng, tuy nhiên vì không đủ sự khác biệt và cũng không có ai thực sự sản xuất ra các mặt hàng đó ngoài mô hình dự thi nên việc thương mại đã không được tiến hành.

Thứ hai là sản phẩm tạo ra không đủ khác biệt với các sản phẩm đã có nên bị lẫn vào số đông và nhất là ra đời sau nên xây dựng thương hiệu là vấn đề cực kỳ thách thức với dự án. Lấy ví dụ, Thái Nguyên là thị trường chè lớn của cả nước, việc tạo ra thêm một nhãn hàng ở lĩnh vực này hầu như rất ít người để ý và có ý định dùng thử. Đối với các dự án nghiên cứu tạo ra thiết bị phục vụ cho ngành canh tác chế biến chè, nếu dự một hội chợ triển lãm cấp tỉnh không khó để nhận thấy các doanh nghiệp mang tới rất nhiều sản phẩm đã thương mại trong khi từ góc độ khởi nghiệp vẫn tiếp tục có những đề xuất nghiên cứu, chế tạo thử nghiệm các thiết bị

này ở trình độ thực nghiệm là rất không phù hợp. Như vậy, tự thân chủ dự án phải có cái nhìn về thị trường để biết lựa chọn chủ đề sát với thực tế. Điều này đặc biệt đúng khi mà thị trường vốn đầy đủ các phân khúc và người khởi nghiệp đi sau cần biết mình sẽ giải quyết vấn đề gì để tránh đối đầu với người đi trước.

Thứ ba là một dự án khởi nghiệp thường bắt đầu từ đâu, nếu bắt đầu dựa trên các bản quyền thuộc sở hữu của người khác tức là lợi nhuận đến từ công lao động còn nếu bắt đầu bằng bản quyền của mình lợi nhuận sẽ đến cả từ công lao động và chất xám trong sản phẩm. Cả hai hình thức này đều có khả năng triển khai ở quy mô lớn, nhưng nếu muốn quy mô nhỏ mà lợi nhuận lớn thì nên chọn phương án thứ hai và điều này rất phù hợp với các trường đại học. Nhằm tối đa hóa lợi thế các nền tảng có sẵn, các trường nên chú trọng khía cạnh liên kết các nền tảng sẵn có này để tạo thành chuỗi giá trị, chuỗi sản phẩm cùng chủ đề, không nên để đứt gãy ở một khâu nào đó, một bước nào đó dẫn đến mất cả chuỗi giá trị lớn. Muốn có sản phẩm cạnh tranh thì nhất định phải bám vào sở trường của mình.

Như vậy có thể thấy, lợi thế thứ nhất của trường đại học là tạo ra các sáng chế và chuyển giao chúng cho bên thứ hai sản xuất. Điều này phù hợp với nhân lực và cơ sở vật chất của trường đại học hơn là các doanh nghiệp, ngược lại việc sản xuất cần đầu tư thiết bị máy móc quy mô lớn gắn với các vấn đề quản trị nên dành cho doanh nghiệp. Có rất nhiều nghiên cứu có kết quả

tốt nhưng không tìm được nhà đầu tư và chủ dự án đóng vai trò từ nghiên cứu, sản xuất và makerting nên không đủ chuyên nghiệp để thành công như mong muốn. Đây là lỗi khá phổ biến hiện nay ở nước ta do các doanh nghiệp và trường đại học chưa có thói quen tìm kiếm các hỗ trợ lẫn nhau chính thức như một sàn giao dịch sáng chế để từ đó tìm kiếm các cơ hội chuyển giao – khởi nghiệp.

Theo thống kê ở Hà Lan, cứ trung bình 100 sáng chế hình thành thì chỉ có tỉ lệ rất nhỏ 1-2 cái có thể đi vào cuộc sống sau đó. Đặc biệt hơn là chúng ít khi đứng độc lập với nhau, chẳng hạn điện thoại thông minh Samsung cần đến hàng ngàn sáng chế khác nhau, nếu nghiên cứu không dự kiến về việc kết hợp với nhau như thế nào cơ hội để chúng đi vào cuộc sống khá thấp, tức là khởi nghiệp không thành công. Ở góc độ này, trường đại học lại có lợi thế khác đó là trường đại học không chỉ là nơi nghiên cứu, nó còn là trung tâm thông tin, việc nắm bắt đầy đủ thông tin về đối tượng nghiên cứu – cơ sở cốt lõi của khởi nghiệp sẽ được lựa chọn chính xác hơn, cơ hội khởi nghiệp thành công sẽ cao hơn rất nhiều. Đối với các dự án mà chủ dự án chưa đủ tầm tổng quan về lĩnh vực nghiên cứu thì sự định hướng là vô cùng cần thiết.

Trường đại học được mặc định là trung tâm nghiên cứu nhưng nghiên cứu nói chung và nghiên cứu sáng chế nói riêng rất cần các cơ sở thí nghiệm hiện đại mà hầu hết ở Việt Nam hiện nay mới dùng ở mức thực hành, đây là khó khăn không nhỏ khi muốn tạo ra

sản phẩm nhưng lại thiếu môi trường khoa học.

Nếu xem xét đầy đủ một nghiên cứu khoa học thường là các giai đoạn của nó bao gồm đầy đủ từ nghiên cứu cơ bản (báo chí, sách chuyên khảo), áp dụng thực tiễn (sáng chế, giải pháp hữu ích), chế thử (sản phẩm thật) thì phần lớn các trường đại học hiện nay mới tạo ra các sản phẩm ở giai đoạn đầu, việc chuyển giao dưới dạng hàng hóa cũng như việc khởi nghiệp lại đòi hỏi ít nhất phải từ giai đoạn hai trở đi, đó là một thực tế không thể không điều chỉnh nếu muốn có quốc gia khởi nghiệp như Israel. Điều này là chính sách vĩ mô, không thể điều chỉnh được ở tầm tự thân các cá nhân khi mà trường đại học chủ yếu xếp hạng dựa trên công bố báo chí là chính.

Việc thiết kế một cơ chế nguồn lực thích hợp cho khởi nghiệp là điều cần thiết nếu muốn có quốc gia khởi nghiệp, ngoài việc ưu đãi ban đầu với các doanh nghiệp khởi nghiệp nhất là doanh nghiệp khoa học công nghệ thì việc tạo ra các sàn giao dịch tri thức – sáng chế là tối cần thiết để hình thành nơi chuyển giao tri thức, sản phẩm chủ yếu của khởi nghiệp từ khoa học công nghệ của các trường đại học. Bên cạnh đó nhà nước cần hình thành các quỹ đầu tư cho khởi nghiệp từ khoa học công nghệ sao cho việc tiếp cận đủ hấp dẫn. Nếu cấu thành đầy đủ môi trường khởi nghiệp thì bên cạnh các yếu tố trên không thể thiếu các kiến thức về quản trị cho người khởi nghiệp, các yếu tố về thuế, vốn, mô hình kinh doanh không phải ai cũng từ mà mò đúng định hướng. Do vậy

tốt hơn hết, trường đại học nên đưa khởi nghiệp với các nội dung cơ bản của nó và giảng dạy chính thức như một môn tự chọn cho những ai quan tâm. Việc thành công hay thất bại của mỗi một dự án hãy để cho thị trường quyết định.

Thay lời kết, để có một quốc gia khởi nghiệp mà trong đó các trường đại học đóng vai trò nòng cốt thì cần tạo ra một môi trường khoa học thực sự với đầy đủ các giai đoạn nghiên cứu như đã kiến nghị, tránh tập trung tất cả sản phẩm vào nghiên cứu cơ bản. Đây chính là bước tiên quyết để tạo ra hàng hóa, tức là các công nghệ sẽ chuyển giao vào đời sống. Bản thân người nghiên cứu cần có kỹ năng phân tích thị trường để xác định nội dung nghiên cứu mà cụ thể là xác định được người nhận chuyển giao ngay từ khi khởi động dự án nghiên cứu. Việc gia tốc các sản phẩm này qua một quy trình sản xuất và thương mại với rất nhiều kỹ năng chuyên nghiệp cần được giảng dạy bài bản và nhất là dựa trên các mô hình có sẵn có tính chuyên nghiệp cao sẽ đảm bảo ươm tạo thành công cao hơn so với tự phát. Cuối cùng, các trường đại học thường triển khai nhiệm vụ khởi nghiệp thông qua hoạt động khoa học công nghệ, nếu khâu phê duyệt đề xuất cũng như tổ chức nghiệm thu nghiêm túc với các tiêu chí rõ ràng, có định hướng khởi nghiệp tất sẽ tạo ra cơ hội rất lớn biến các sản phẩm nghiên cứu này thành hàng hóa. Các sàn giao dịch – chuyển giao cũng chỉ hình thành khi làm tốt khâu nghiên cứu và bảo hộ sở hữu trí tuệ. Việc khởi nghiệp trên thế giới xưa nay vẫn thường đi theo con đường chính thống này./.

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VỀ SỐ LƯỢNG, SỰ PHÂN BỐ VÀ ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH CỦA GIỐNG GÀ NHIỀU NGÓN TẠI MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN

TS. Nguyễn Thị Kim Lan, ThS. Phạm Diệu Thuỳ
– Đại học Nông lâm Thái Nguyên

Trong những năm gần đây, vấn đề tăng nhanh dân số và biến đổi khí hậu đã dẫn đến sự thay đổi không thuận lợi đối với môi trường sống của con người và vật nuôi. Vấn đề an toàn lương thực, thực phẩm là mối quan tâm hàng đầu của các nước nói chung, trong đó có Việt Nam. Nhu cầu tiêu dùng của đời sống xã hội đòi hỏi phải có những giống vật nuôi cho năng suất cao, trong khi các giống bản địa năng suất thấp, đồng thời lại không đủ cung cấp cho nhu cầu của người tiêu dùng. Những nguyên nhân trên đã dẫn tới một hệ quả tất yếu là có nhiều giống vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng. Điều đáng trăn trở là, các giống vật nuôi bản địa lại là nguồn gen quý, đa dạng cần khai thác, phát triển và lai tạo ra các giống thương phẩm trong tương lai và duy trì hệ thống nông nghiệp bền vững. Từ những thực tế trên, Sở KH&CN đã tham mưu UBND Tỉnh phê duyệt đề tài “Bảo tồn nguồn gen Gà nhiều cựa của đồng bào Dao Thị trấn Trại Cau” trong khung nhiệm vụ KH&CN về quỹ gen cấp tỉnh nhằm điều tra, đánh giá, đề xuất giải pháp bảo tồn nguồn gen động, thực vật, thuỷ sản và tài nguyên vi sinh vật quý hiếm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Giống “gà nhiều ngón” (trong dân gian thường quen gọi là “gà nhiều cựa”) là giống

gà được đưa vào danh sách những giống gia cầm quý hiếm cảnh báo ở mức độ nguy hiểm.

Đồng bào Dao sinh sống tại tỉnh Thái Nguyên từ lâu đã nuôi giống gà nhiều cựa. Tuy nhiên, hiện nay giống gà này chỉ còn tồn tại ở một số địa phương trong tỉnh với số lượng rất ít, nếu không có kế hoạch nghiên cứu, bảo tồn và phát triển thì rất dễ bị lai tạp và dần bị tuyệt chủng.

Những luận giải trên cho thấy, việc điều tra khảo sát về địa bàn phân bố, số lượng và đặc điểm ngoại hình của giống gà nhiều cựa ở một số huyện trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết, nhằm góp phần bảo tồn và từng bước nhân rộng chăn nuôi gà nhiều cựa trong nhân dân.

Bằng phương pháp phỏng vấn và ghi phiếu điều tra, chúng tôi đã điều tra tại 10 xã/thị trấn thuộc huyện Đồng Hỷ, 3 xã thuộc huyện Đại Từ và 2 xã thuộc huyện Võ Nhai. Đây là những xã có một số hộ gia đình nuôi gà nhiều cựa (theo thông tin mà chúng tôi đã nhận được qua điều tra sơ bộ ban đầu).

Kết quả cho thấy, số gà thuộc tất cả các giống được nuôi ở các hộ điều tra tại 3 huyện là 89.992 con, trong số đó có 427 con gà nhiều cựa, chiếm tỷ lệ 0,47% tổng số

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

gà nuôi. Số hộ nuôi gà nhiều cựa là 23/750 hộ, chiếm tỷ lệ 3,07% số hộ điều tra.

- Ở huyện Đồng Hỷ: tổng số gà được nuôi ở 10 xã là 74.139 con, số gà nhiều cựa là 213 con chiếm tỷ lệ 0,29%. Trong 500 hộ điều tra chỉ có 14 hộ có nuôi gà nhiều cựa, chiếm tỷ lệ 2,08%. Các hộ ở thị trấn Trại Cau nuôi nhiều gà nhất (16.434 con), tuy nhiên, số gà nhiều cựa lại chiếm tỷ lệ rất thấp (0,35%). Số gà nhiều cựa được nuôi nhiều nhất ở xã Hóa Thượng (3,93%), ít nhất ở xã Tân Lợi (0,02%). Theo thông tin ban đầu thì 3 xã Hóa Trung, Hòa Bình và Tân Long cũng có hộ nuôi gà nhiều cựa, tuy nhiên, khi trực

tiếp điều tra thì một số ít hộ cho biết đã từng nuôi gà nhiều cựa nhưng ở thời điểm điều tra thì không còn gà nhiều cựa nữa.

- Ở huyện Đại Từ: tổng số gà được nuôi ở 3 xã là 10.551 con, số gà nhiều cựa là 198 con chiếm tỷ lệ 1,88%. Trong 150 hộ điều tra chỉ có 6 hộ nuôi gà nhiều cựa, chiếm tỷ lệ 4%. Tỷ lệ gà nhiều cựa / tổng số gà nuôi cao nhất ở xã Minh Tiến (2,99%).

- Ở huyện Võ Nhai: tổng số gà được nuôi ở 2 xã là 5.302 con, trong đó có 16 con gà nhiều cựa, chiếm tỷ lệ 0,3%. Trong 100 hộ điều tra, chỉ có 3 hộ nuôi gà nhiều cựa, chiếm tỷ lệ 3% tổng số hộ điều tra.

HÌNH ẢNH GÀ NHIỀU CỰA NUÔI Ở MỘT SỐ HỘ GIA ĐÌNH



Ảnh 1:

Gà nhiều cựa nuôi tại hộ bà Hà Thị Tú, thị trấn
Trại Cau, huyện Đồng Hỷ



Ảnh 2:

Gà nhiều cựa nuôi tại hộ bà Hứa Thị Thái Ninh,
xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ



Ảnh 3:

Gà nhiều cựa nuôi tại hộ bà Dương Thị Mai, xã
Đức Lương, huyện Đại Từ



Ảnh 4:

Gà nhiều cựa nuôi tại hộ ông
Phạm Ngọc Vinh, xã Minh Tiến, huyện Đại Từ

Như vậy, số gà nhiều cựa ở thời điểm điều tra đang chiếm tỷ lệ rất thấp so với tổng số gà đang có ở các hộ gia đình điều tra.

Khi được hỏi về khó khăn trong việc phát triển chăn nuôi gà nhiều cựa, hầu hết các hộ đều cho rằng: gà nhiều cựa chậm lớn, đẻ trứng ít, ấp nở kém... Ngoài ra, địa hình nhiều xóm cách xa trung tâm xã, đường xá đi lại khó khăn, việc giao lưu giữa các hộ không thuận lợi, tình hình an ninh chưa tốt nên trong quá trình chăn nuôi hay bị mất trộm gà. Đó là những nguyên nhân làm chăn nuôi gà nhiều cựa không phát triển được. Ngoài ra, do không có sự luân phiên trống mái nên có khả năng đàn gà dần bị cận huyết, làm giảm sức sống, dễ mắc bệnh và chết. Vì vậy, việc ổn định và phát triển đòn gà nhiều cựa đang gặp rất nhiều khó khăn.

Thực tế quan sát ở các hộ có gà nhiều cựa thấy, hầu hết các hộ đều nuôi hỗn hợp gà nhiều cựa với các giống gà khác. Điều này dẫn tới hiện tượng tạp giao, làm đòn con sinh ra mất dần các đặc tính quý của giống gà nhiều cựa.

Những vấn đề trên cho thấy, cần phải có kế hoạch chọn lọc, bảo tồn giống gà nhiều cựa của đồng bào Dao thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ.

Về đặc điểm ngoại hình:

- * Gà 01 ngày tuổi đã có đặc điểm đặc trưng nhất của giống gà này là có nhiều cựa. Số cựa của mỗi cá thể có ngay từ lúc gà mới nở và giữ ổn định cho đến tuổi trưởng thành. Số gà 01 ngày tuổi có 6 cựa ở hai chân chiếm 54,29%, 5 cựa (17,14%), 4 cựa (28,57%). Như vậy gà 01 ngày tuổi có 6 cựa chiếm tỷ lệ cao nhất, sau đó đến gà có 4 cựa và thấp nhất là gà có 5 cựa (1 chân có 3 cựa

và chân còn lại có 2 cựa).

Gà 01 ngày tuổi có bộ lông bông, phần lớn có màu lông vàng phớt xám hoặc phớt trắng, một số có màu lông xám. Có nhiều gà có sọc đen ở hai bên lưng. Chân gà màu vàng (91,43%), màu xám ít hơn (8,57%). Da gà màu vàng nhạt (85,71%) hoặc trắng ngà (14,29%). Gà 01 ngày tuổi mắt màu đen và thân hình nhỏ hơn so với nhiều giống gà khác.

- * Gà 8 - 10 tuần tuổi: Giai đoạn này gà đã phân biệt trống mái rõ.

- Đối với gà trống:

Số cựa của gà tuổi này vẫn thấy chủ yếu là 6 cái/2 chân (65,79%), số có 5 cựa chiếm 18,42%, có 4 cựa chiếm 13,16%. Chỉ có 2,63% có 7 cựa. Không thấy con nào có 8 cựa.

Gà trống có bộ lông ôm sát thân, màu lông phổ biến nhất là màu đen đỏ, chiếm tỷ lệ 76,32%; sau đó là màu nâu đen (13,16%). Số gà trống 8 – 10 tuần tuổi có bộ lông màu vàng nâu và pha tạp đều chiếm 5,26%. Chân gà vẫn có màu vàng là chủ yếu, mắt đen hoặc vàng nâu, sáng và tinh nhanh. Khối lượng trung bình của gà trống là 550 gam.

- Đối với gà mái:

Số cựa của gà mái 8 – 10 tuần tuổi cũng chủ yếu là 6 cựa (72,73%), số có 5 cựa và 4 cựa chiếm tỷ lệ thấp, không thấy con nào có 7 hoặc 8 cựa.

Gà mái có bộ lông ôm sát thân với màu sắc tương đối đa dạng như: vàng nâu (68,18%), nâu đen (11,36%), nâu (4,51%) và pha tạp (11,36%). Mắt gà mái màu đen là và chân màu vàng là chủ yếu.

- * Gà 19 - 25 tuần tuổi: Gà giai đoạn này vẫn mang đặc điểm ngoại hình cơ bản như giai

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

đoạn trước: có 1 con trống 8 cựa (chiếm 2,86%), số gà có 6 cựa vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất. Gà có hai kiểu mào: mào cờ (gà trống mào và tít to, gà mái mào cờ nhỏ và ngắn), mào có màu đỏ tươi, số ít có màu xám. Khối lượng trung bình của gà là 1.550 gam (con trống) và 1.350 gam (con mái). Đặc biệt, gà có sải cánh rộng nên có thể bay nhảy dễ dàng.

Đa dạng về màu lông là một trong những đặc điểm ngoại hình của nhiều giống gà nội: gà Ri có nhiều màu lông như vàng, hoa mơ, trắng đỏ tía... Tuy nhiên, màu lông phổ biến ở gà mái Ri là màu vàng sẫm hoặc màu vàng nhạt, còn gà trống là màu đỏ tía. Gà Hồ trống chỉ có lông màu mận chín, đỏ pha đen; gà mái có 3 màu phổ biến là màu đất thó (mã thó), màu vàng vỏ nhăn (mã nhăn) và kiểu lông chim sẻ (mã sẻ) (Nguyễn Chí Thành, 2009).

Như vậy, gà nhiều cựa có màu lông đa dạng tương tự như nhiều giống gà địa phương khác ở nước ta, song màu lông của gà trống phổ biến là màu đỏ đen (mã mận), gà mái phổ biến là màu vàng nâu. Các màu lông khác chiếm tỷ lệ thấp hơn.

Theo Nguyễn Khánh Toán và cs (2016), gà 6 ngón tại Lạng Sơn con trống có màu lông đốm vàng chiếm tỷ lệ lớn trong đàn (57,14%), tiếp đến là màu lông trắng (25%), còn lại là màu vàng rơm và đen tuyền (17,86%); con mái có sự phân bố màu lông đồng đều hơn so với gà trống: màu đốm vàng (8%); màu trắng (28%), màu vàng rơm (44%) và màu đen tuyền (20%).

Như vậy, gà nhiều cựa đang nuôi ở các địa phương đã điều tra của tỉnh Thái Nguyên có đặc điểm ngoại hình đặc trưng riêng, khác với ngoại hình của giống gà nhiều cựa ở tỉnh

Lạng Sơn (Nguyễn Khánh Toán, 2016) và rất khác với các giống gà khác đã được các tác giả đã công bố (Nguyễn Hoàng Thịnh và cs, 2017 về gà H'Mông; Nguyễn Hoàng Thịnh và cs, 2017 về gà Ri Ninh Hòa; Phạm Công Thiếu và cs, 2017 về ngoại hình của gà Hắc Phong; Phạm Công Thiếu và cs, 2018 về ngoại hình của gà Tò; Nguyễn Thị Mười và cs, 2021 về ngoại hình của gà Ai Cập ...).

Theo Nguyễn Hoàng Thịnh và cs (2016), tỷ lệ gà nhiều cựa tại Xuân Sơn, Phú Thọ có 8 cựa thấy nhiều nhất ở gà trống (61,45%), tỷ lệ gà mái có 6 cựa ở gà mái nhiều nhất (52,33%). Số gà có 9 cựa rất ít (con trống 1,20%, con mái 0%).

Kết quả của chúng tôi khác với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Hoàng Thịnh trên gà ở Phú Thọ: gà nhiều cựa của đồng bào Dao ở Thái Nguyên chủ yếu có 6 cựa (ở cả con trống và con mái), số có 8 cựa chiếm tỷ lệ rất thấp.

Từ kết quả điều tra, khảo sát ở trên, chúng tôi nhận thấy, đặc điểm nổi bật ở gà nhiều cựa của đồng bào Dao tại tỉnh Thái Nguyên là mỗi chân đều có nhiều ngón (cựa). Ngoài 4 ngón chạm đất, giống gà này còn có thêm 1 - 4 ngón mọc ở phần thân xương bàn chân, không chạm đất và không dùng để đi đứng, đậu hay đào bới thức ăn. Gà mới nở đã có nhiều ngón ở chân và duy trì trong suốt đời của chúng.

Như vậy, số lượng gà nhiều cựa ở các địa phương của tỉnh Thái Nguyên hiện chỉ còn rất ít, phân bố rải rác ở một số hộ gia đình. Giống gà này có đặc điểm ngoại hình khác biệt so với các giống gà khác là chân có nhiều ngón, với màu lông tương đối đa dạng, song chủ yếu là màu đen đỏ (ở con trống) và màu vàng nâu (ở con mái)./.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI VÀ GIỚI THIỆU CÔNG NGHỆ XỬ LÝ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI TẠI TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS. Nguyễn Thu Huyền, TS. Nguyễn Thị Đỗng
- Trường Đại học Khoa học Thái Nguyên

Hoạt động chăn nuôi của tỉnh Thái Nguyên đang phát triển theo hướng chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại tập trung để sản xuất ra các sản phẩm chăn nuôi có hiệu quả kinh tế cao. Theo thống kê, số lượng trang trại những năm gần đây có xu hướng gia tăng. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có 752 trang trại, gia trại chăn nuôi gia súc, gia cầm... tập trung ở các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương, thành phố Thái Nguyên và Sông Công trong đó các trang trại chăn nuôi lợn là 262 trang trại chiếm 35% và gia cầm là 406 trang trại chiếm 55%.

Chăn nuôi lợn là loại hình chủ yếu của của tỉnh Thái Nguyên. Đa số các trang trại, gia trại nuôi lợn có quy mô dưới 1000 con/năm (chiếm khoảng 90%). Khoảng 10% có quy mô trên 1000 con/năm (hoạt động dưới hình thức chăn nuôi gia công cho các Công ty nước ngoài như CP, JAPFA...). Ngoài ra, có 210.000 hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, thường xuyên cung cấp sản lượng thịt lợn cho người dân địa phương. Theo kết quả quan trắc môi trường định kỳ do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện cho thấy một số thủy vực đã có dấu hiệu ô nhiễm do nước thải chăn

nuôi, các chỉ tiêu ô nhiễm vượt quy chuẩn nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1, B2) từ 1,2 đến 1,5 lần, điển hình là suối Ngòi Mè, suối Đắc Sơn chảy qua địa bàn xã Minh Đức, Phúc Thuận, Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên có chỉ tiêu hữu cơ, vi sinh, dinh dưỡng thường xuyên không đạt quy chuẩn. Nguyên nhân:

- Đối với các trang trại cũ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các chủ trang trại chưa cao. Tỷ lệ các trang trại thực hiện các biện pháp về bảo vệ môi trường còn thấp (80% trang trại thuộc quy mô cấp tỉnh, 75 % trang trại thuộc quy mô cấp huyện).

- Đối với các trang trại chăn nuôi mới xây dựng trong thời gian gần đây đều xây dựng hệ thống chuồng trại hiện đại, khép kín và có công trình xử lý chất thải nhưng công suất của hệ thống xử lý nước thải thường được xây dựng nhỏ hơn so với quy mô chăn nuôi thực tế hoặc không xây dựng đầy đủ các hạng mục đúng theo thiết kế kỹ thuật. Các trang trại, gia trại phát triển tràn lan, tự ý tăng đàn vượt quá quy mô đăng ký và quy mô của hệ thống xử lý chất thải. Còn nhiều gia trại, trang trại nằm xen kẽ trong các khu dân cư; chất thải chăn nuôi chủ yếu

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

được xử lý bằng bể bioga, không đảm bảo dung tích xử lý dẫn đến quá tải. Các gia trại ở các khu dân cư không đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường (Điều 5, Thông tư 23/2019/TT-BNNPTNT. Nghị định 13/2020/NĐ-CP). Diện tích đất nhỏ hẹp, khó mở rộng diện tích để xây dựng hệ thống xử lý.

Thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong chăn nuôi, Sở Tài nguyên & Môi trường (TN&MT) thực hiện Nghị quyết, chỉ thị của Thủ tướng về một số giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường. Sở TN&MT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 4/10/2016 và Đề án bảo vệ môi trường theo giai đoạn 2011-2015, giai đoạn 2017-2020; trong đó có tập trung cụ thể hóa chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường trong chăn nuôi; xem xét đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường khi quy hoạch phát triển chăn nuôi; việc đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi ở cấp huyện...

- Hàng năm Sở TN&MT đã chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện, xã và Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tổ chức kiểm tra công tác BVMT đối với các trang trại chăn nuôi, đã xử lý vi phạm. Năm 2019, Sở Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra, lấy mẫu đột xuất đối với các trại chăn nuôi lợn (tại 18 trang trại), tập trung vào khu vực chăn nuôi trọng điểm gây ô nhiễm môi trường tại các xã Minh Đức, Phúc Thuận, Quân Chu, Cát Nê. Theo kết quả phân tích, hầu hết các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi ra môi trường của các trang trại đều vượt quá giới hạn quy chuẩn cho phép. Sở và các cơ quan liên quan sẽ tiếp

tục kiểm tra, xử lý vi phạm nếu các trang trại không thực hiện biện pháp khắc phục.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã có các chương trình hỗ trợ xây dựng công trình khí sinh học và hướng dẫn mô hình đệm lót sinh học, các chế phẩm sinh học, hỗ trợ hóa chất phun sát trùng tiêu độc, máy ép phân đối với cơ sở chăn nuôi; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 19/8/2015 về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020. Theo đó, tỉnh đã hỗ trợ kinh phí khoảng 2 tỷ đồng/năm để hỗ trợ xây dựng công trình, tổ chức đào tạo tập huấn về các biện pháp xử lý môi trường trong chăn nuôi; thực hiện các chương trình tuyên truyền, phổ biến, tập huấn pháp luật về bảo vệ môi trường.

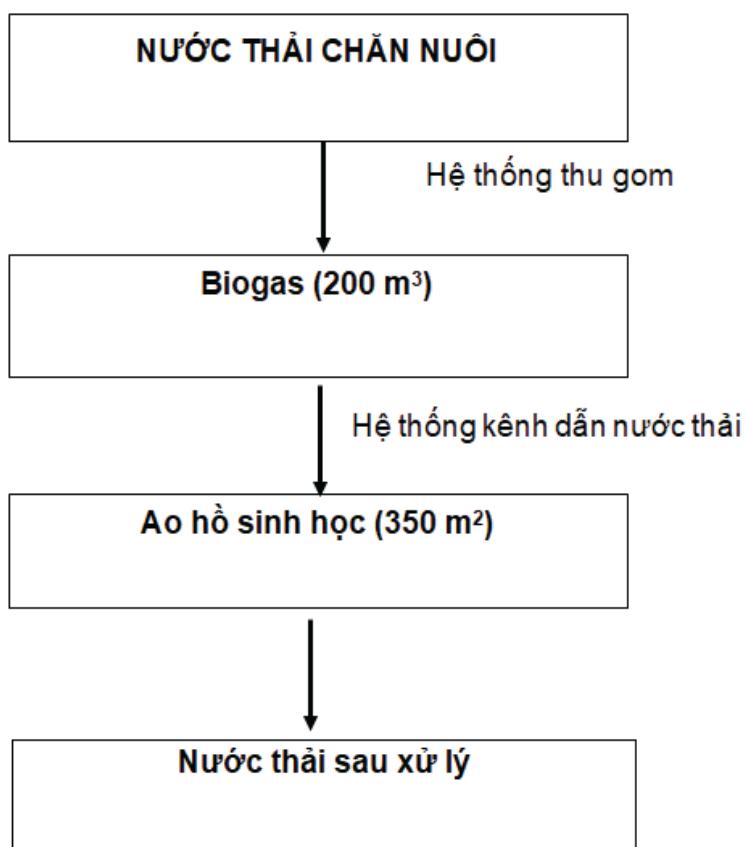
Công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi tại trang trại gia đình ông Nguyễn Văn Tịnh, ở xóm 11, xã Tân Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trước năm 2019, trang trại chăn nuôi theo quy mô 500 con lợn thịt và 28 con lợn nái, chăn nuôi theo hình thức chuồng hở với 3 dãy chuồng trại có tổng diện tích 1800 m². Hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi (nước phân, nước tiểu lợn, nước vệ sinh chuồng trại) được thể hiện ở hình 1.

Nước thải và chất thải rắn từ trang trại sau khi thu gom được xử lý bằng bể biogas có dung tích 200m³, xây bằng gạch, vữa bê tông. Nước thải sau khi qua bể biogas tiếp tục được xử lý thông qua 2 ao sinh học có diện tích là 350 m², nước sau xử lý được sử dụng làm nước tưới cho cây trồng quanh trang trại và vệ sinh chuồng trại.

Hiện tại chủ trang trại đã đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng trang trại chăn nuôi lợn, quy mô từ 500 lợn thịt lên 3.500 con theo mô hình kinh tế công nghiệp mở rộng bể biogas để tiếp tục xử lý nước thải chăn nuôi, ao sinh học 1 đã san lấp để tạo mặt bằng xây dựng chuồng nuôi mới. Trang trại đã phá bỏ chuồng nuôi lợn nái, nhà kho, khử trùng. Cải tạo lại 02 chuồng lợn thịt theo hình thức chuồng hở chuyển thành chuồng kín; kết nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải đồng bộ với hệ thống chuồng mới xây dựng mở rộng. Xây dựng mới 03 dãy chuồng với diện tích 3570m²; hệ thống đường công vụ nội bộ liên hoàn cho toàn bộ khu vực; hệ thống công trình chuồng trại,

nha điều hành, khu bảo vệ; hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi (Hình 2); hệ thống cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải; hệ thống phòng chống cháy; trồng cây xanh tạo cảnh quan,...

Nước thải chăn nuôi được thu gom, qua hố lăng đến máy tách phân và được xử lý sơ bộ bằng hầm biogas phủ bạt HDPE. Dòng thải sau khi ra khỏi hầm biogas vẫn còn nồng độ ô nhiễm hữu cơ cao nên tiếp tục được xử lý bằng bể aroten. Nước thải sau đó qua bể lăng đi vào bãi lọc ngang trồng cây, sang ao sinh học. Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62:2016/BTNMT) được tuân hoà tái sử dụng (Bảng 2).



Hình 1: Công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi
của trang trại từ năm 2019 về trước

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 2. Kết quả đo và phân tích nước thải của trang trại

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Trước xử lý	Sau xử lý	QCVN 62:2016/BTNMT (Cột B) (kq=0,9;kf =1,3)
1	pH	-	6,5	7,2	5,5-9
2	COD	mg/l	1375	91	351
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	400	42	130
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	173	40	175,5
5	Tổng N	mg/l	58,98	34,5	175,5
7	Coliform *	MPN/100ml	110000	2400	5000



Bể Biogas



Hệ thống bể Aerotank



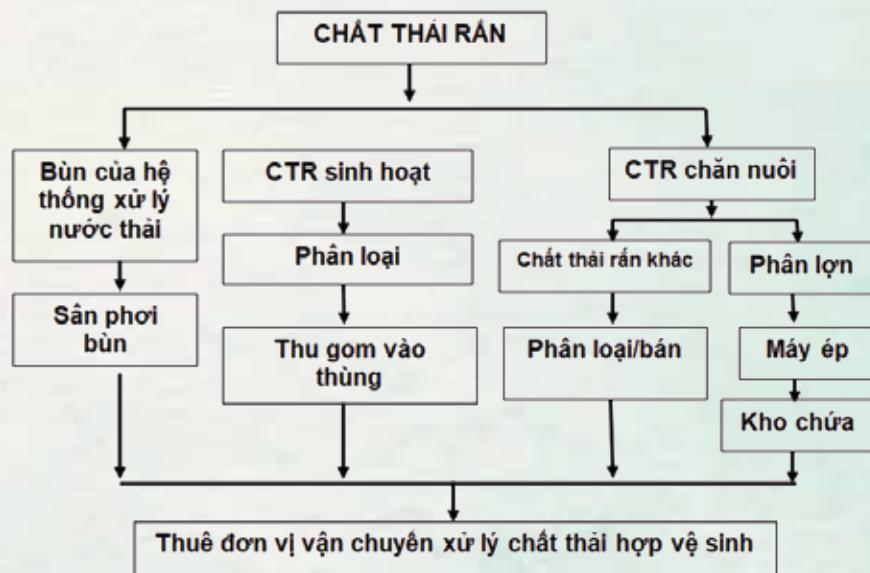
Bãi lọc ngang trồng cây

Chất thải rắn (CTR) của trang trại được phân loại và xử lý theo hình 3. Phân lợn được thu gom và qua máy ép phân (Hình 4). Phân ép (Hình 5) được lưu kho sau đó đơn vị hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển xử lý hợp vệ sinh.

Như vậy, tỉnh Thái nguyên tiếp tục phát triển chăn nuôi theo hướng hình thành các trang trại tập trung với phương thức chăn nuôi công nghiệp và bán công nghiệp (hơn 700 trang trại các loại). Tuy nhiên, vì nhiều nguyên nhân vẫn có tình

trạng các trang trại gây ô nhiễm môi trường các sông suối trên địa bàn tỉnh, ảnh hưởng đến nguồn cấp nước sinh hoạt cho một số nhà máy cấp nước và đời sống của người dân, gây bức xúc trong nhân dân, nhất là khu vực nông thôn. Để thực hiện tốt bảo vệ môi trường trong chăn nuôi của tỉnh, đề nghị: Các cấp, các ngành phải xử lý nghiêm theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm, kiên quyết đình chỉ chăn nuôi đối với trang trại có nguồn xả thải lớn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, gây ô nhiễm kéo dài; di dời các trang trại, gia trại không phù hợp quy hoạch, không đảm bảo khoảng

cách an toàn, các trang trại, gia trại xen kẽ trong khu dân cư vào các vùng quy hoạch. Các tổ chức chính trị xã hội tăng cường vai trò giám sát địa bàn kịp thời phát hiện, báo cáo và xử lý các hành vi xả thải trái phép của các trang trại. Rà soát, bổ sung quy hoạch vùng chăn nuôi đảm bảo các tiêu chí đảm bảo an toàn sinh học, môi trường, đủ quỹ đất để phát triển và di dời các trang trại chăn nuôi vào vùng quy hoạch. Hoàn thiện các văn bản pháp luật, quy định bảo vệ môi trường; hướng dẫn các công nghệ xử lý chất thải có hiệu quả cao trong chăn nuôi của tỉnh./.



Hình 3: Sơ đồ thu gom xử lý chất thải rắn của trang trại



Hình 4: Máy ép phân



Hình 5: Phân sau ép

ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TRONG CỘNG ĐỒNG VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN TẠI THỊ TRẤN HÙNG SƠN HUYỆN ĐẠI TỪ

ThS. Dương Hữu Khoa –
Trung tâm Y tế thành phố Thái Nguyên

Đái tháo đường là một trong ba bệnh phát triển nhanh nhất hiện nay (ung thư, tim mạch và đái tháo đường) và cũng là một trong tứ chứng nan y của thập kỷ này (gồm: HIV/AIDS, Đái tháo đường, Béo phì và Ung thư). Ở Việt Nam, kết quả điều tra dịch tễ học bệnh Đái tháo đường và các yếu tố nguy cơ năm 2018 cho thấy, ở đối tượng lứa tuổi 35-64 cho thấy tỷ lệ mắc Đái tháo đường là 6,7%, đặc biệt ở những khu vực thành thị, tỷ lệ này là 6,9 %.

Bệnh Đái tháo đường chủ yếu gặp ở những người có các yếu tố nguy cơ cao như tuổi, tiền sử gia đình có người Đái tháo đường, béo phì, tăng huyết áp. Vì thế khám sàng lọc để phát hiện bệnh Đái tháo đường ở các đối tượng có yếu tố nguy cơ là vô cùng quan trọng và cần thiết, giúp phát hiện sớm bệnh nhân bị Đái tháo đường. Ngoài ra còn giúp những người có yếu tố nguy cơ cao, hiểu biết được nguy cơ của mình, có kế hoạch phòng và điều trị tốt các yếu tố nguy cơ, làm giảm tỷ lệ mắc bệnh.

Thị trấn Hùng Sơn là Trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội của huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trong những năm gần đây hoạt động kinh tế, thương mại ngày càng phát triển, một mặt cải thiện thu nhập, mặt khác cũng dần làm thay đổi thói quen ăn uống, sinh hoạt của người dân. Chính vì

vậy, trong giai đoạn hiện nay, tỷ lệ bệnh không lây nhiễm đang gia tăng, đặc biệt là bệnh Đái tháo đường. Việc xác định tỷ lệ mắc bệnh và các yếu tố liên quan thực sự cần thiết, giúp người dân có biện pháp phòng và điều trị bệnh thích hợp. Đây cũng là bước đi quan trọng để tiến tới nghiên cứu đề xuất các biện pháp tích cực trong công tác phòng chống bệnh Đái tháo đường trong cộng đồng, góp một phần đẩy mạnh sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cho nhân dân các dân tộc huyện nhà. Vì vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài “Đái tháo đường trong cộng đồng và các yếu tố liên quan tại thị trấn Hùng Sơn năm 2021”.

Đái tháo đường (ĐTĐ) là tình trạng tăng đường huyết mạn tính đặc trưng bởi những rối loạn chuyển hoá carbohydrate, có kèm theo rối loạn chuyển hoá lipit và protein do giảm tuyệt đối hoặc tương đối tác dụng sinh học của Insulin hoặc tiết Insulin, gây nhiều biến chứng nặng nề cấp và mạn tính nguy hiểm đến tính mạng, làm giảm tuổi thọ của người bệnh.

Các yếu tố nguy cơ (YTNC) của ĐTĐ:
Quá cân, béo phì ($BMI \geq 23$ đối với người châu Á); Tiền sử gia đình có người bị mắc bệnh ĐTĐ; Tăng huyết áp (huyết áp tối đa ≥ 140 và/hoặc huyết áp tối thiểu ≥ 90 mmHg); Đã được chẩn đoán có rối loạn

chuyển hoá Lipid; Đã từng bị rối loạn đường huyết lúc đói hoặc suy giảm dung nạp đường; Đã được chẩn đoán mắc ĐTD thai kỳ; Ít hoạt động thể lực; Có tiền sử đẻ con nặng ≥ 3600 gram; Uống rượu nhiều hàng ngày (>300 ml/ngày); Nghiện thuốc lá (hút > 10 điếu/ngày),...

Tiêu chuẩn chẩn đoán ĐTD: theo WHO (1999) gồm các tiêu chuẩn:

- Tiêu chuẩn 1: Glucose huyết tương lúc đói (tối thiểu 8 giờ sau khi ăn) trên 7 mmol/l.
- Tiêu chuẩn 2: Glucose huyết tương giờ thứ hai sau nghiệm pháp làm tăng đường huyết trên 11,1 mmol/l
- Tiêu chuẩn 3: Glucose huyết tương ở thời điểm bất kỳ trên 11,1 mmol/l

Cơ chế bệnh sinh

Bình thường insulin có vai trò quan trọng trong việc duy trì sự hằng định của glucose máu. Glucose máu tùy thuộc vào sự tiết insulin, thu nạp insulin ở các mô ngoại vi và ức chế chuyển glucogen thành glucose ở gan. Cơ chế bệnh sinh chủ yếu là rối loạn bài tiết insulin và kháng insulin.

Rối loạn tiết insulin: Khi mới bị ĐTD thì insulin có thể bình thường hoặc tăng lên nhưng tốc độ tiết insulin chậm và không tương xứng với mức tăng của glucose máu. Nếu glucose máu vẫn tiếp tục tăng thì ở giai đoạn sau, tiết insulin đáp ứng với glucose sẽ trở nên giảm sút hơn. Nguyên nhân là do ảnh hưởng độc của việc tăng glucose máu đối với tế bào beta.

Kháng insulin: Kháng insulin là tình trạng giảm hoặc mất tính nhạy cảm của cơ quan đích với insulin. Cơ chế của kháng insulin hiện nay chưa rõ. Tuy nhiên người ta thấy

răng: khả năng là do bất thường tại các vị trí trước, sau và ngay tại thụ thể insulin ở mô đích. Giảm số lượng thụ thể insulin là yếu tố bất thường tại thụ thể hoặc có kháng thể kháng thụ thể insulin là yếu tố ức chế trước thụ thể. Do giảm hoạt tính của tyrosine kinase của vùng sau thụ thể insulin làm cho insulin khi gắn vào thụ thể không phát huy được tác dụng sinh học. Vì vậy không kích thích được việc vận chuyển glucose vào tế bào. Insulin kiểm soát cân bằng đường huyết qua 3 cơ chế phối hợp, mỗi cơ chế rối loạn có thể là nguyên nhân dẫn đến kháng insulin:

- Insulin ức chế sản xuất glucose từ gan.
- Insulin kích thích dự trữ glucose ở tổ chức cơ.
- Insulin kích thích dự trữ glucose ở các cơ quan.

Triệu chứng lâm sàng

Thường có rất nhiều triệu chứng khác nhau, đa dạng và phong phú. Mặc dù triệu chứng chung là đường huyết tăng cao, nhưng biểu hiện lâm sàng của ĐTD typ 1 và typ 2 có một số điểm khác nhau.

Biến chứng ĐTD

Biến chứng cấp tính: Nghiêm toan ceton (Rối loạn nhịp thở kiểu Kussmal, hơi thở có mùi ceton, da khô, hôn mê, hạ huyết áp); Hôn mê do tăng áp lực thẩm thấu máu (đường huyết tăng cao, mất nước nặng dẫn đến tăng áp lực thẩm thấu máu, mất nước nặng, tụt huyết áp, hôn mê); Hạ đường huyết (vã mồ hôi, choáng váng, hoa mắt, lờ mơ, co giật, hôn mê...)

Biến chứng慢 tính: Biến chứng mắt, tiêu hóa, tim mạch, hô hấp, đặc biệt là tổn thương thần kinh ngoại vi, tổn thương thần

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng: Biểu hiện lâm sàng của ĐTD

Đặc điểm	ĐTD typ1	ĐTD typ 2
Tuổi khởi phát	< 40 tuổi	> 40 tuổi
Thể trạng	Gầy	Béo hoặc bình thường
Insulin máu	Thấp hoặc không đo được	Bình thường hoặc cao
Tiền sử ĐTD gia đình	Thường không có	Thường có
Triệu chứng	Khởi phát đột ngột Hội chứng lâm sàng tăng đường huyết rõ rệt (ăn nhiều, uống nhiều, đái nhiều, gầy nhanh) Ceton niệu dương tính	Khởi phát và tiến triển âm thầm Không bộ lộ triệu chứng lâm sàng, mà chỉ tình cờ đi xét nghiệm phát hiện thấy đường máu tăng cao, hoặc đến điều trị khi đã có rất nhiều biến chứng nặng nề. Ceton niệu âm tính

kinh sợ não, tổn thương thần kinh thực vật hay nhiễm khuẩn bàn chân dẫn đến tắc mạch và hoại tử chi phải cắt cụt.

Trên cơ sở lý luận đã đề cập, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu bằng việc phát phiếu đánh giá, phân tích và sàng lọc được 250 đối tượng cơ nguy cơ để tiến hành nghiên cứu. Việc nghiên cứu phân tích và sàng lọc được tiến hành ngẫu nhiên và hoàn toàn khách quan.

Tỷ lệ mắc bệnh ĐTD trong nghiên cứu này là 5,6 % thấp hơn so với tỷ lệ mắc chung của cả nước là 6,7%; tỷ lệ ĐTD toàn quốc là 6,7%; khu vực thành phố 6,9%; miền núi 4,8%. Như vậy tỷ lệ nghiên cứu của chúng tôi phù hợp vì chúng tôi không phải điều tra dịch tễ học mà là tỷ lệ mắc ĐTD của các đối tượng có yếu tố nguy cơ.

Số liệu cũng khẳng định các yếu tố nguy cơ được lựa chọn trong nghiên cứu là có ảnh hưởng đến sự tăng lên của tỷ lệ bệnh ĐTD và

RLDNG (Có chú thích từ viết tắt). Kết quả này phù hợp với số liệu điều tra và nhận định của một số tác giả về các yếu tố nguy cơ và bệnh ĐTD cũng như thực trạng ĐTD, RLDNG tại Việt Nam trong những năm gần đây. Kết quả nghiên cứu cũng cung cấp thêm cơ sở khẳng định rằng ĐTD và RLDNG đã và đang là vấn đề sức khỏe cần được quan tâm và việc điều tra đánh giá tỷ lệ bệnh để có cơ sở phòng, chống quản lý bệnh ĐTD là một việc làm cần thiết và cấp bách không chỉ ở khu vực thành phố lớn, vùng đồng bằng mà cần tiến hành ở cả vùng sâu vùng xa và miền núi.

Ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ đến tỷ lệ mắc ĐTD và tiền ĐTD

*Ảnh hưởng của Yếu tố BMI với tỷ lệ ĐTD, tiền ĐTD

Thể trạng tăng cân, béo phì là một trong những yếu tố nguy cơ cao của tiền ĐTD và bệnh ĐTD nhất là ở những vùng có tốc độ đô thị hóa nhanh và chế độ ăn uống không hợp

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

lý. Chúng tôi sử dụng tiêu chuẩn phân loại BMI dành cho người châu Á để phân loại cho các đối tượng quá cân nặng bình thường.

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ ĐTD và tiền ĐTD ở nhóm quá cân cao gấp 3,4 lần nhóm BMI bình thường.

Số liệu của Tạ Văn Bình (2018) cho thấy những người có BMI > 23 có nguy cơ mắc bệnh ĐTD cao hơn những người có BMI < 23 là 2,6 lần. Kết quả này của chúng tôi cũng phù hợp với nghiên cứu của các tác giả khác.

**Ảnh hưởng của yếu tố tiền sử gia đình mắc ĐTD với tỷ lệ ĐTD và tiền ĐTD*

Tỷ lệ mắc ĐTD và tiền ĐTD ở những người có tiền sử gia đình mắc ĐTD lớn hơn những đối tượng không có tiền sử gia đình mắc ĐTD gấp 2,4 lần.

Số liệu điều tra của Tạ Văn Bình (2018) cho thấy những người có tiền sử gia đình mắc ĐTD có khả năng mắc ĐTD cao gấp 3,4 lần những người không có tiền sử mắc ĐTD. Mỗi liên quan giữa tiền sử gia đình mắc ĐTD và bệnh ĐTD còn được thấy rõ trong các nghiên cứu của một số tác giả khác.

**Ảnh hưởng giữa yếu tố tăng huyết áp với ĐTD, tiền ĐTD*

Tăng huyết áp và RLCH có mối liên hệ mật thiết với nhau điều này đã được khẳng định trong nghiên cứu của nhiều tác giả trên thế giới. Số liệu trong bảng 3.10 cho thấy tỷ lệ mắc ĐTD và Tiền ĐTD ở đối tượng có yếu tố tăng huyết áp cao, cao gấp 2,6 lần so với đối tượng không bị THA.

Điều tra toàn quốc của Tạ Văn Bình (2018) cho thấy tỷ lệ ĐTD ở nhóm có THA là 9,6 % trong khi đó nhóm không THA tỷ lệ ĐTD chỉ chiếm 3,4 %, tỷ lệ nghiên cứu của

chúng tôi cũng phù hợp.

**Ảnh hưởng giữa người có các YTNC với tỷ lệ mắc ĐTD & tiền ĐTD*

So sánh tỷ lệ ĐTD và tiền ĐTD ở đối tượng có 1 đến nhiều yếu tố nguy cơ, chúng tôi nhận thấy rằng đối tượng càng có nhiều yếu tố nguy cơ thì tỷ lệ ĐTD và tiền ĐTD càng tăng, ở đối tượng có 4 YTNC tỷ lệ tiền ĐTD và ĐTD là lớn nhất 6,0% cao gấp 5 lần so với nhóm chỉ có một yếu tố nguy cơ.

Để góp phần nâng cao kiến thức và điều trị bệnh hiệu quả cho người dân về bệnh đái tháo đường, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị như sau: Tăng cường truyền thông giáo dục dinh dưỡng, chế độ vận động thể lực, trên các phương tiện thông tin đại chúng về các yếu tố nguy cơ, hậu quả của đái tháo đường, đến sức khoẻ và biện pháp phòng chống ĐTD tại cộng đồng, nhất là truyền thông trực tiếp. Chính quyền Ủy ban nhân dân các cấp cần tăng cường sự phối hợp các ban ngành, đoàn thể để cùng tham gia công tác phòng chống bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng. Sở Y tế tăng cường chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn khi triển khai thực hiện quản lý và điều trị ĐTD tại tuyến xã. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật cần có kế hoạch hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật các Trung tâm Y tế huyện, Trạm Y tế xã trong việc quản lý và điều trị bệnh ĐTD tại Trạm Y tế. Nên triển khai khám sàng lọc bệnh ĐTD và tiền ĐTD tại tất cả các cơ sở khám chữa bệnh để phát hiện sớm bệnh tại cộng đồng vì kỹ thuật đơn giản và dễ sử dụng. Cần có nhiều nghiên cứu hơn nữa về can thiệp nhằm cải thiện các yếu tố nguy cơ ĐTD tại cộng đồng./.

ỨNG DỤNG LÝ THUYẾT TIẾP NHẬN VÀO DẠY HỌC TRUYỀN NGẮN TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN LỚP 12

TS. Nguyễn Thị Cẩm Anh – Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Sự xuất hiện của Mĩ học tiếp nhận với quá trình nghiên cứu của Hans Robert Jauss, Wolfgang Ier vào những năm 70 của thế kỉ XX đưa ra những quan niệm mới về văn bản, không coi văn bản là trung tâm như chủ nghĩa hình thức Nga, phê bình Mới và cấu trúc luận Pháp; văn bản chưa phải là tác phẩm và chỉ là tác phẩm qua hành động đọc. Từ đó trung tâm chú ý chuyển sang người đọc. Với sự ra đời của Mĩ học tiếp nhận đã góp phần thay đổi quan niệm dạy học văn trong trường phổ thông. Đặc biệt theo Chương trình giáo dục phổ thông Ngữ văn 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo được xây dựng nhằm tập trung hướng tới mục đích phát triển toàn diện cho học sinh trong đó chú trọng đến phát triển năng lực cho người học....

Tiếp nhận văn học cũng thuộc nhóm năng lực cơ bản của con người. Trong đó, năng lực chung gồm khả năng giao tiếp, khả năng giải quyết vấn đề, khả năng hợp tác, khả năng sử dụng công nghệ thông tin, khả năng phản biện,... Bên cạnh đó là nhóm năng lực chuyên biệt đối với môn Ngữ văn gồm năng lực phát triển ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thẩm mỹ (hay còn gọi là năng lực văn học). Năng lực văn học có thể hiểu là "Một biểu hiện của năng lực thẩm mĩ, là khả năng tiếp nhận, phân tích, tái hiện và sáng tạo các yếu tố thẩm mĩ thông qua hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản văn học". Có thể nói, tiếp nhận văn học vừa là cuộc giao tiếp

đối thoại giữa người đọc với tác giả qua tác phẩm, là cuộc đối thoại giữa người đọc với người đọc vừa là con đường để hình thành và phát triển năng lực cho người học đặc biệt là năng lực thẩm mỹ.

Việc ứng dụng lí thuyết tiếp nhận trong dạy học không phụ thuộc vào trình độ của người học. Bài giảng có thành công hay không phụ thuộc vào định hướng tiếp nhận qua khâu chuẩn bị bài cẩn thận của giáo viên, lòng tin đối với khả năng tiếp nhận và "tầm đón nhận" của các em, ở việc khơi dậy trong học sinh quá trình nhập thân và tinh táo để nhận ra tài nghệ của tác giả cũng như sẵn sàng sáng tạo tiếp tác phẩm.

Mục tiêu trong Ứng dụng Lý thuyết tiếp nhận vào dạy học truyền ngắn chương trình Ngữ văn lớp 12, bao gồm:

* Tiếp nhận nội dung

- Nắm được chủ đề, đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết, nhân vật và mối quan hệ của các nhân vật trong từng tác phẩm truyện ngắn. Nhận xét được những chi tiết quan trọng, sự việc tiêu biểu trong việc thể hiện nội dung tư tưởng của văn bản.

- Phân tích được chủ đề, tư tưởng và thông điệp mà nhà văn muốn nhắn nhủ thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.

- Đánh giá được cảm hứng chủ đạo, tình cảm, thái độ của tác giả được thể hiện qua các hình tượng nghệ thuật trong văn bản;

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

phát hiện được những triết lí nhân sinh, những giá trị văn hóa trong các văn bản truyện ngắn lớp 12.

* Tiếp nhận nghệ thuật

- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học và phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong mỗi tác phẩm truyện ngắn ở chương trình Ngữ văn lớp 12.

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố đặc trưng theo thể loại như : kết cấu nghệ thuật, không gian, thời gian, nhân vật, người kể truyện, ngôi kể, tình huống truyện.

* Liên hệ, so sánh, kết nối

- Học sinh liên hệ, so sánh với các văn bản văn học cùng đề tài ở cùng giai đoạn của các tác giả khác hoặc so sánh các văn bản của cùng tác giả ở các giai đoạn khác nhau để có cách tiếp nhận sâu sắc, toàn diện hơn.

- Vận dụng được những trải nghiệm văn học, trải nghiệm vốn sống và những hiểu biết về lịch sử, văn hóa, xã hội đưa ra nhận xét, đánh giá về tác phẩm.

- Đánh giá được những tác động của tác phẩm đến nhận thức, tình cảm và sự thay đổi trong cách nhìn nhận đánh giá về con người và cuộc sống.

Để Ứng dụng lí thuyết tiếp nhận vào dạy truyện ngắn lớp 12 trong chương trình trung học phổ thông, chúng tôi mạnh dạn đề xuất vận dụng sáng tạo một số phương pháp và kĩ thuật dạy học sau:

* Phương pháp lập Blog cho tác giả văn học

Phương pháp này sử dụng trong quá trình hướng dẫn học sinh tìm hiểu tác giả, kết hợp với phương pháp dự án, giao nhiệm

vụ học tập cho nhóm học sinh hoàn thành trước khi tiến hành khâu định hướng tiếp nhận trên lớp. Blog là một nhật ký trực tuyến dưới dạng Website, thể hiện ý kiến và quan điểm cá nhân của người hoặc nhóm người viết Blog. Phương pháp dạy học này phát huy thế mạnh trong việc sử dụng tích hợp công nghệ thông tin đồng thời phù hợp với hứng thú, nhu cầu, sở thích của học sinh lớp 12. Các em được sống trọn vẹn trong thời đại khoa học công nghệ 4.0 và thừa hưởng những thành tựu vượt bậc của khoa học công nghệ. HS nhanh nhạy trong tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin vào đời sống và học tập. Qua việc học sinh có những khả năng lập những trang Website hay những trang Blog cá nhân để dễ dàng trao đổi thông tin, liên lạc, kinh doanh,... nhằm nâng cấp "cá nhân" trong cuộc sống. Hiện tại, Blog văn chương trên mạng cũng là một nhu cầu mới của người sáng tác chuyên và không chuyên trong lĩnh vực văn học mạng. Sử dụng Blog giả định để xây dựng cho một tác giả văn học bất kì sẽ khuyến khích khả năng sáng tạo, hứng thú vận dụng công nghệ trong quá trình tiếp nhận văn học của học sinh một cách tích cực, chủ động mà không hề bị gượng ép.

Để lập được Blog cho một tác giả văn học, học sinh phải thu thập tất cả các thông tin dữ liệu của nhà văn từ cuộc đời, sự nghiệp văn học, quá trình sáng tác, quan điểm nghệ thuật, những đóng góp của nhà văn cho nền văn học... sau đó sáng tạo hình thức, chọn lựa tranh ảnh, chắt lọc kiến thức để lập lên một trang cá nhân cho nhà văn; đưa ra những giả định về con người thật sống động của nhà văn ngoài đời; tạo ra những tình

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

huống văn chương để khơi lên một hoạt động phản biện, bình luận sôi nổi của những “nhà văn giả định” khác trên diễn đàn. Vậy là, khi tham gia tạo một Blog của nhà văn nào đó học sinh phải am hiểu tinh tường về tác giả và có cơ hội liên hệ mở rộng với các nhà văn khác, các tác phẩm khác; được trực tiếp tham gia vào “diễn đàn văn học” do chính các em tạo ra; là điều kiện tiền đề cho quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn hứa hẹn đóng góp nhiều quan điểm bất ngờ, trong quá trình đồng sáng tạo và sáng tạo tiếp tác phẩm của học sinh.

Khi lập Blog cho nhà văn Nguyễn Minh Châu, học sinh phải thiết kế trên đó một thanh tiêu đề chứa các chuyên mục chính như: thông tin cá nhân của tác giả (Nguyễn Minh Châu sinh năm 1930 quê ở huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An, bắt đầu viết văn từ 1960). Trang chủ Blog chứa các tác phẩm sắp xếp theo trình tự thời gian (Tiểu thuyết Cửa Sông (1967), Những vùng trời khác nhau (1970), Dấu chân người lính (1972), Biển cháy (1977), Những người đi từ trong rừng ra (1982), Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành (1983), Bến quê (1985), Cỏ lau (1989)... Hai bên của Blog có các danh mục ở dạng menu, phổ biến thêm các thông tin ở mạng xã hội, liên kết nổi bật. Footer chứa thông tin liên lạc, chính sách của Blog. Học sinh có thể trình chiếu Blog tác giả hoặc sử dụng giấy A0 để mô phỏng trang Blog của tác giả để thuyết trình trong hoạt động báo cáo nhiệm vụ học tập của nhóm. Sau khi báo cáo nhiệm vụ học tập xong, các nhóm hoặc cá nhân khác có thể trực tiếp viết nhận xét, bình luận bất kì một vấn đề, khía cạnh nào vào trang Blog ấy để hoàn thiện.

**Phương pháp “Đi tìm hồ sơ nhân vật”*

Một trong những yếu tố then chốt của truyện ngắn hay tiểu thuyết là xây dựng được hình tượng nhân vật sao cho dễ hình dung, thực tế, sinh động lại ẩn chứa ý đồ, tư tưởng của nhà văn. Tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn thường tập trung vào quá trình phân tích, khai thác hình tượng nhân vật trong truyện. Lập hồ sơ nhân vật nhằm giúp cho học sinh thâm nhập trực diện vào quá trình sáng tác của nhà văn, liên tưởng tưởng tượng cùng nhà văn trong việc tái tạo lại hình tượng văn học. Lập hồ sơ nhân vật là cách để hệ thống, nắm bắt, những tìm hiểu của học sinh về nhân vật từ lai lịch, xuất thân, ngoại hình, tính cách, mối quan hệ với các nhân vật khác, đi theo hành trình “sinh sống” của nhân vật từ khi xuất hiện cho đến lúc kết thúc; thấy cả những khúc quanh co và ngã rẽ những biến cố những đổi thay của nhân vật từ đó đưa ra những phân tích, lý giải và phát hiện ra chủ đề, tư tưởng của tác giả và giá trị của tác phẩm. Lập hồ sơ nhân vật càng cụ thể, chi tiết chứng tỏ học sinh đã thực sự thâm nhập được vào tác phẩm, kéo gần khoảng cách với tác giả đồng sáng tạo với nhà văn.

Với truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân, HS có thể lập hồ sơ cho nhân vật người vợ nhặt như sau :

- Về lai lịch, xuất thân: không tên chỉ biết gọi là thị, thị vợ nhặt, người vợ nhặt; không biết bao nhiêu tuổi; không biết từ đâu đến, quê ở đâu, người vùng nào đều không biết.

- Hoàn cảnh xuất hiện: Ngồi ở nhà kho trên tinh cùng với mấy người đàn bà nữa

- Ngoại hình: Có sự thay đổi giữa hai lần

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

xuất hiện.

+ Lần 1: Ngồi cùng với mấy người đàn bà khác, ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng.

+ Lần 2: Ngồi “vêu ra”, bộ dạng chẳng khác nào một con ma đói “khuôn mặt lưỡi cày xám xịt, đôi mắt trũng hoáy, quần áo rách như tổ đỉa”.

- Tính cách: Nhanh nhẹn, đơn đả song cũng vô duyên, thô tục, mất hết cả nỗi tính với khuôn mặt “sung sả, vòi ăn, sấn sổ về miếng ăn, ăn một chặp hết 4 bát bánh đúc, ăn xong dùng đũa quẹt ngang miệng”.

- Sự kiện: Theo Tràng về làm vợ.

+ Tràng dẫn qua xóm ngụ cư : thấy mọi người nhìn mình bàn tán, thị biết ngượng ngùng “chân nọ bước díu vào chân kia”, không hài lòng khi thấy Tràng nói năng thô tục với bọn trẻ.

+ Về đến nhà: Thị nén tiếng thở dài khi thấy ngôi nhà lụp xụp, xiêu vẹo giữa một mảnh vườn lổn nhổn cỏ dại mọc. Vào nhà, ngồi mormal xuống mép giường, hồi hộp chờ bà cụ Tú về; vân vê tà áo không dám nói chuyện trước bà cụ Tú. Sáng hôm sau, thị dậy sớm dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ. Trong bữa cơm đầu tiên, phát hiện thấy nồi chè khoán mà bà cụ Tú mang ra “đãi” con dâu là cám song thị vẫn điềm nhiên và vào miệng; nghe thấy tiếng trống thức thuế, thị ngạc nhiên bình luận, thị kể truyện ở Thái Nguyên người ta kéo nhau đi phá kho thóc Nhật chia cho dân nghèo.

Rõ ràng sau khi lập được hồ sơ nhân vật với những sự kiện và chi tiết cụ thể như trên, học sinh sẽ tự mình hình dung rõ nét về nhân vật, nhân vật trở nên sống động, thực

hơn. Từ đó học sinh nhận ra những đổi thay trong hoàn cảnh sống, tính cách và tâm trạng của nhân vật và phát hiện ra điều nhà văn muốn gửi gắm qua hình tượng nhân vật ấy. Lập hồ sơ nhân vật là con đường rút ngắn nhất mà học sinh có thể tự bước trên hành trình tiếp nhận tác phẩm.

* Phương pháp thảo luận nhóm.

Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm là một trong những biện pháp quan trọng nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh, tạo điều kiện cho học sinh đối thoại với nhà văn, đối thoại với thầy cô, đối thoại với bạn bè trong nhóm và trong lớp từ đó mở rộng biên độ tiếp nhận tác phẩm, điều chỉnh nhận thức và tiến đến “chính ngộ”. Thảo luận nhóm diễn ra dưới sự điều khiển của giáo viên. Giáo viên sẽ chia các nhóm phụ thuộc vào tầm đón đợi, hoặc năng lực của học sinh; giao cho mỗi nhóm một vấn đề để các em cùng nhau trao đổi, thảo luận ý kiến. Ý kiến thống nhất của mỗi nhóm sẽ cử đại diện trình bày trước lớp. Hoàn tất của hoạt động thảo luận nhóm là sự đóng góp ý kiến của các nhóm khác và nhận xét, đánh giá của giáo viên.

Có thể thấy, việc ứng dụng lí thuyết tiếp nhận trong dạy học không chỉ phụ thuộc vào trình độ của người học mà còn ở khả năng định hướng của giáo viên. Bài giảng có thành công hay không phụ thuộc vào định hướng tiếp nhận qua khâu chuẩn bị bài cẩn thận của giáo viên, lòng tin đối với khả năng tiếp nhận và “tầm đón nhận” của các em, ở việc khơi dậy trong học sinh quá trình nhập thân và tinh táo để nhận ra tài nghệ của tác giả cũng như sẵn sàng sáng tạo tiếp tác phẩm./.

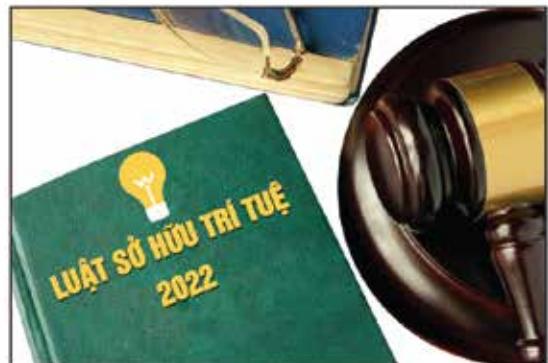
NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ SỬA ĐỔI 2022

ThS. Nguyễn Mạnh Thắng - Phó Trưởng phòng QL Công nghệ

Trong bối cảnh khoa học, công nghệ ngày càng phát triển mạnh mẽ, xu thế toàn cầu hóa, các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành đã không còn phù hợp vì vậy cần phải điều chỉnh, sửa đổi bổ sung. Tại phiên họp ngày 16/6/2022 kỳ họp thứ 3 của Quốc hội Khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT), chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2023.

Luật SHTT được ban hành từ năm 2005, sửa đổi, bổ sung vào các năm 2009 và 2019 đã phát huy vai trò trong việc điều chỉnh các quan hệ pháp luật đối với loại tài sản đặc biệt - quyền SHTT. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cùng với việc hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam trong thời gian qua cho thấy Luật SHTT còn tồn tại một số vướng mắc, bất cập nhất định. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung Luật SHTT lần này là yêu cầu cấp thiết đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, với mục tiêu tạo ra động lực mạnh mẽ cho việc nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, đảm bảo hành lang pháp lý đầy đủ và hiệu quả đối với việc bảo hộ, khai thác và bảo vệ quyền SHTT. Luật SHTT sửa đổi lần này có phạm vi khá rộng, với hơn 100 điều được sửa đổi, bổ sung, tập trung vào 7 nhóm chính sách lớn, bao gồm:

Chính sách 1: Đảm bảo quy định rõ về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan trong các trường hợp chuyển nhượng, chuyển giao



Quyền tác giả (QTG), Quyền liên quan đến quyền tác giả (QLQ), cụ thể:

- Các quy định liên quan đến xác định chủ thể nắm giữ quyền tài sản (chủ sở hữu, tác giả, người biểu diễn) được quy định rõ ràng và cụ thể hơn, giúp cho quá trình chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển quyền sử dụng trong các hợp đồng chuyển nhượng, chuyển giao QTG, QLQ được thuận lợi hơn.

- Điểm nổi bật của dự thảo Luật là quy định cho phép chuyển giao một số quyền nhân thân theo thỏa thuận (thỏa thuận đặt tên, sửa đổi tác phẩm) phù hợp với đặc thù

của lĩnh vực quyền tác giả nhằm giải quyết những vướng mắc tồn tại trong thực tiễn thời gian qua như trường hợp có nhu cầu thay đổi tên tác phẩm, sửa đổi, nâng cấp chương trình máy tính v.v.

Chính sách 2: Khuyến khích tạo ra, khai thác và phổ biến sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng được tạo ra từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) sử dụng ngân sách Nhà nước.

Luật quy định trao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức chủ trì một cách tự động và không bồi hoàn, đồng thời có cơ chế phân chia hợp lý lợi ích giữa Nhà nước, cơ quan chủ trì và tác giả phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành TW Đảng khóa 11.

Quy định này không chỉ khắc phục các bất cập hiện nay về việc đăng ký và khai thác các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ do nhà nước đầu tư mà còn là cú hích để khuyến khích các chủ thể nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN chủ động đăng ký, khai thác các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng được tạo ra; thúc đẩy quan hệ hợp tác với doanh nghiệp để chuyển giao công nghệ, thương mại hóa và thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư để phát triển, nghiên cứu sản phẩm, qua đó thu về nhiều lợi ích kinh tế cũng như đạt được các mục tiêu về an sinh xã hội.

Chính sách 3: Tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện thủ tục đăng ký QTG, QLQ,

thủ tục xác lập quyền SHCN:

Theo đó, dù là quyền được xác lập tự động mà không qua đăng ký (trong lĩnh vực QTG, QLQ) hay phải đăng ký (lĩnh vực SHCN), thì các quy định liên quan đến thủ tục, thời hạn, thành phần hồ sơ v.v... tiếp tục được hoàn thiện theo hướng gọn nhẹ, nhanh chóng, thuận tiện, minh bạch để khuyến khích, gia tăng hoạt động đăng ký, xác lập quyền SHTT nhằm tạo cơ sở, bằng chứng vững chắc trong việc xác định chủ thể quyền và đối tượng được bảo hộ, làm tiền đề cho việc khai thác quyền cũng như thực thi quyền sau này.

Một số sửa đổi cụ thể bao gồm: tạo cơ sở pháp lý để tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký trực tuyến QTG, QLQ; phân luồng ý kiến người thứ ba để đẩy nhanh quá trình thẩm định đơn; đơn giản hóa bản mô tả kiểu dáng công nghiệp; giới hạn việc kiểm soát an ninh đối với sáng chế; cho phép trì hoãn công bố đơn kiểu dáng công nghiệp; bổ sung một số quy định đặc thù về thủ tục giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực SHCN.

Chính sách 4: Đảm bảo mức độ bảo hộ thỏa đáng và cân bằng trong bảo hộ quyền SHTT, cụ thể:

Các quy định liên quan đến bảo hộ và thực thi quyền SHTT được sửa đổi, hoàn thiện để bảo đảm mức độ bảo hộ thỏa đáng và cân bằng giữa một bên là quyền lợi của chủ thể quyền và một bên là quyền sử dụng, quyền tiếp cận tri thức, công nghệ của xã hội. Cụ thể:

- Bổ sung một số trường hợp ngoại lệ

PHỔ BIẾN KIẾN THỨC KH&CN

không xâm phạm QTG, QLQ, các giới hạn QTG, QLQ nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa chủ thể quyền tác giả với tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng và công chúng hưởng thụ tiếp cận tác phẩm, đảm bảo thực thi các cam kết quốc tế và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

- Bổ sung một số quy định nhằm kiểm soát sáng chế có sử dụng nguồn gen và tri thức truyền thống về nguồn gen; bổ sung một số căn cứ chấm dứt hiệu lực, huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ (sáng chế, nhãn hiệu); xử lý xung đột giữa nhãn hiệu với tên giống cây trồng, với đối tượng QTG, QLQ; sửa đổi các quy định về chủ thể đối với chỉ dẫn địa lý; làm rõ điều kiện bị coi là cạnh tranh không lành mạnh giữa tên miền với nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý có trước.

Chính sách 5: Tăng cường hiệu quả hoạt động hỗ trợ về SHTT

Các nội dung sửa đổi nhằm đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ cho hệ thống SHTT (bao gồm hoạt động đại diện, giám định), cụ thể là sửa đổi, bổ sung một số quy định theo hướng mở hơn nhằm tạo tính cạnh tranh trong cung cấp dịch vụ đại diện (phân chia đại diện theo lĩnh vực; nới lỏng điều kiện được cấp Chứng chỉ hành nghề đại diện tùy theo lĩnh vực); sửa đổi quy định về giám định theo hướng xác định rõ phạm vi giữa giám định SHTT với giám định tư pháp về SHTT; làm rõ ý nghĩa mang tính chứng cứ của kết luận giám định SHTT);

Chính sách 6: Nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo vệ quyền SHTT

Các quy định liên quan đến thực thi quyền được sửa đổi nhằm bảo đảm cơ chế bảo vệ quyền SHTT được hiệu quả, hợp lý và khả thi hơn, trong đó đáng chú ý là quy định bổ sung thẩm quyền chủ động áp dụng biện pháp kiểm soát tại biên giới nếu trong quá trình kiểm tra, giám sát và kiểm soát cơ quan hải quan phát hiện căn cứ rõ ràng để nghi ngờ hàng hóa xuất, nhập khẩu là hàng giả mạo SHTT.

Chính sách 7: Bảo đảm thi hành đầy đủ và nghiêm túc các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo hộ SHTT trong quá trình hội nhập, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến biện pháp công nghệ bảo vệ quyền và thông tin quản lý quyền để đảm bảo thực thi trong môi trường số; một số quy định về ngoại lệ QTG, QLQ;

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến bảo hộ nhãn hiệu âm thanh; chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ đối với nhãn hiệu; cơ chế bảo đảm thông tin cho chủ bằng sáng chế thực thi quyền trong thủ tục cấp phép lưu hành thị trường đối với được phẩm; nghĩa vụ bảo hộ dữ liệu bí mật trong đơn xin cấp phép nông hóa phẩm; cơ chế đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành được phẩm; giả định về QTG, QLQ; quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông; nghĩa vụ chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị nghi ngờ là hàng giả mạo SHTT./.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH THÁI NGUYÊN ĐỐI THOẠI VỚI DOANH NGHIỆP NĂM 2022

Nhằm trao đổi thông tin, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về lĩnh vực khoa học và công nghệ. Ngày 30/08/2022, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tỉnh Thái Nguyên tổ chức Hội nghị Đối thoại Doanh nghiệp năm 2022. Tham dự Hội nghị có ông Nguyễn Văn Thời, Chủ tịch Hiệp

hội Doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên; ông Nguyễn Văn Cường Phó chủ tịch Hiệp Hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa; bà Nguyễn Thị Vinh Chủ tịch Hội Nữ doanh nhân tỉnh Thái Nguyên; ông Phạm Anh Tuấn – Phó Chủ tịch Hội Doanh nghiệp trẻ tỉnh Thái Nguyên và một số Doanh nghiệp, Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh. Đồng chí Phạm Quốc Chính, Giám đốc Sở KH&CN chủ trì Hội nghị.

Trong những năm qua, ngành KH&CN đã đạt được một số kết quả nổi bật, đóng góp và sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh. Tỷ trọng tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế GRDP của tỉnh, giai đoạn 2016-2020 đạt 51,3%, cao hơn mức bình quân của giai đoạn 2011-2015 (đạt 35,4%). Để đạt được những kết quả đó, có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự phối hợp của các sở, ban, ngành, địa phương và sự vào cuộc của cộng đồng doanh nghiệp



*Đồng chí Phạm Quốc Chính
Giám đốc Sở KH&CN phát biểu khai mạc Hội nghị*

trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của ngành, Sở KH&CN luôn đồng hành và hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển ý tưởng, hoàn thiện công nghệ, phát triển sản phẩm mới; hướng dẫn tổ chức có tiềm năng thành lập doanh nghiệp KH&CN; hỗ trợ các tổ chức tham gia các hội chợ công nghệ, thiết bị, tiếp cận với công nghệ tiên tiến, hiện đại; góp phần thúc đẩy kết nối cung cầu công nghệ, tăng số lượng và giá trị các giao dịch công nghệ, tạo hiệu ứng tích cực đối với thị trường KH&CN. Năm 2020, tỉnh Thái Nguyên được Hiệp hội phần mềm và dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA) trao Bằng khen về thu hút, hỗ trợ và thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Năm 2021, Thái Nguyên đạt giải thưởng thành phố thông minh Việt Nam lĩnh vực Thành phố hập dẫn khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo... Thời gian tới, Sở KH&CN tiếp tục đổi mới, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng

ĐIỂM TIN KH&CN

cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; tiếp tục hỗ trợ hiệu quả các doanh nghiệp, hợp tác xã để thu hút, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội cho hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển.

Tại Hội nghị, đại diện các doanh nghiệp đã thẳng thắn chia sẻ, đối thoại và nêu những thuận lợi, khó khăn đang vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy định của nhà nước về lĩnh vực khoa học và công nghệ; đồng thời mong muốn tiếp tục được phối hợp với ngành KH&CN nhằm thúc đẩy

sự phát triển KH&CN và góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thông qua hội nghị, các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp đã được Giám đốc Sở KH&CN tiếp thu và giải đáp, làm rõ các nội dung thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về lĩnh vực KH&CN tạo thuận lợi tốt nhất cho doanh nghiệp; đồng thời, cam kết đồng hành cùng doanh nghiệp, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, cởi mở, công khai, minh bạch, thuận lợi để doanh nghiệp phát triển./.

Dương Chiêm, Thể Bằng

NGHIỆM THU DỰ ÁN MỞ RỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ IMETOS

Ngày 11/08/2022, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng nghiệm thu dự án “Phát triển mở rộng ứng dụng công nghệ iMetos hỗ trợ sản xuất nông nghiệp cho huyện Phú Bình, huyện Võ Nhai, TP Phổ Yên, TP Sông Công của tỉnh Thái Nguyên”. Đồng chí Phạm Quốc Chính, Giám đốc Sở KH&CN, Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Dự án phát triển mở rộng ứng dụng công nghệ iMetos hỗ trợ sản xuất nông nghiệp do Công ty Cổ phần Giải pháp thời tiết WeatherPlus chủ trì thực hiện, nhằm giúp người dân kịp thời có được thông tin về thời tiết, sâu bệnh trong vùng sản xuất nông nghiệp thông qua tin nhắn SMS, website hoặc qua ứng dụng trên thiết bị di động. Dự án được triển khai thực hiện từ năm

2020 đến năm 2022, với mục tiêu, mở rộng ứng dụng công nghệ iMetos trong quan trắc, dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai, sâu bệnh nhằm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Đến nay, Ban chủ nhiệm dự án đã vận hành và kết nối đồng bộ hệ thống 10 trạm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và theo dõi, hoàn thiện mô hình cảnh báo rầy lุง xanh và bọ cánh tơ trên cây chè. Xây dựng bản tin dự báo thời tiết tự động 24h hàng ngày và truyền tải tới lãnh đạo phòng Nông nghiệp/Kinh tế, chuyên viên, cán bộ xã/phường tại 04 huyện/thành. Thông tin được truyền tải qua tin nhắn SMS, từ đầu số 1595 của 02 mạng viễn thông Vinphone và MobiFone. Tập huấn cho cán bộ địa phương về truy cập và sử dụng dữ liệu quan trắc, dự báo



Đoàn kiểm tra thực tế tại Trạm quan trắc thời tiết thông minh iMetos trên địa bàn thành phố Sông Công.

thời tiết đã được thực hiện giúp cho cán bộ địa phương nắm bắt và sử dụng phục vụ trong công tác điều hành, chỉ đạo sản xuất. Hướng dẫn người dân tiếp cận được thông tin về thời tiết và sâu bệnh thuận lợi nhất, nhờ đó người nông dân trên địa bàn tỉnh có thể chủ động trước diễn biến phức tạp của thời tiết, góp phần giảm thiệt hại do thiên tai gây ra, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Công nghệ iMetos và các Trạm thời tiết - khí hậu thông minh là một thiết bị chuyên dùng quan trắc - lưu trữ số liệu thời tiết và khí hậu tại thực địa, cung cấp thông tin và cảnh báo thời tiết nhanh chóng tới người sử dụng, cung cấp dự báo thời tiết trước 6 ngày với độ chính xác cao do tích hợp giữa phân tích thời tiết toàn cầu và số liệu của trạm iMetos mặt đất. Người dân có thể dễ dàng cập nhật thông tin thời tiết qua website [http://thainguyen.tramthoitiệt.vn](http://thainguyen.tramthoitiет.vn), qua ứng dụng di động Weather Book (sử dụng tài khoản và mật khẩu đăng nhập là: thainguyen/thainguyen2018) hoặc thông qua tổng đài 18001195.

Tại cuộc họp, các thành viên Hội đồng đánh giá cao những kết quả đạt được của nhóm nghiên cứu. Dự án đã triển khai theo đúng nội dung và tiến độ được duyệt, mang lại những hiệu quả nhất định, có tính ứng dụng và khả năng nhân rộng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, các thành viên Hội đồng cũng yêu cầu nhóm nghiên cứu phải chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung, số liệu còn thiếu để hoàn thiện báo cáo.

Sau khi nghe các thành viên Hội đồng và ý kiến phân tích, làm rõ của nhóm thực hiện đề tài, đồng chí Phạm Quốc Chính, Giám đốc Sở KH&CN, Chủ tịch Hội đồng khẳng định: Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp có vai trò quan trọng trong tạo dựng môi trường, hệ sinh thái số nông nghiệp, giúp nông sản của Thái Nguyên khẳng định chỗ đứng trên thị trường, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Đề tài được Hội đồng KH&CN cấp tinh bô phiếu, đánh giá thông qua./.

Dương Chiêm, Thế Bằng

HỘI THẢO KHOA HỌC

“ỨNG DỤNG DẤU ẨN SINH HỌC TRONG SÀNG LỌC VÀ QUẢN LÝ TIỀN SẢN GIẬT VÀ RỐI LOẠN CHỨC NĂNG TUYẾN GIÁP TRONG THAI KỲ”

Ngày 4/08/2022, Bệnh viện TW Thái Nguyên phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội thảo khoa học trực tuyến “Ứng dụng dấu ẩn sinh học trong sàng lọc và quản lý tiền sản giật và rối loạn chức năng tuyến giáp trong thai kỳ” cho đội ngũ y bác sĩ sản – phụ khoa. Đây là nội dung thuộc đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tỉnh Thái Nguyên. Đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy trình sàng lọc tiền sản giật quý I thai kỳ trên nhóm thai phụ có yếu tố nguy cơ cao và điều trị dự phòng tại Thái Nguyên” do Bệnh viện TW Thái Nguyên triển khai thực hiện từ 07/2020 đến 11/2022. Mục tiêu của đề tài, nghiên cứu xây dựng quy trình sàng lọc tiền sản giật quý I thai kỳ trên nhóm thai phụ có yếu tố nguy cơ cao và điều trị dự phòng tại Thái Nguyên.

Tiền sản giật là bệnh lý sản khoa vô cùng nguy hiểm với sức khỏe của mẹ và thai nhi. Đây là tình trạng rối loạn chức năng của nhiều cơ quan do thai nghén với sự xuất hiện của tăng huyết áp và protein niệu. Theo thống kê, tiền sản giật là 01 trong những nguyên nhân hàng đầu gây tử vong mẹ, tử vong chu sinh và chiếm khoảng 14 - 16 % các nguyên nhân gây tử vong mẹ. Tiền sản giật thường xuất hiện trong 03 tháng cuối thai kỳ, có thể gặp ở 03 tháng giữa thai kỳ với các dấu hiệu đặc trưng đó là: Phù, tăng huyết áp và protein niệu.

Tại Hội thảo, PGS.TS.BS Vũ Văn Du, Bệnh viện Phụ sản Trung ương đã trao đổi, chia sẻ những kiến thức về sàng lọc và điều trị dự phòng tiền sản giật; các thách thức hiện nay trong quản lý tiền sản giật; vai trò của các



PGS.TS.BS Vũ Văn Du, Bệnh viện Phụ sản Trung ương
chia sẻ những kiến thức về sàng lọc và điều trị dự phòng tiền sản giật

Biomarker trong sàng lọc, hỗ trợ chẩn đoán và tiên lượng tiền sản giật; hướng dẫn lâm sàng trong sàng lọc và dự phòng tiền sản giật. Bên cạnh đó, các y, bác sĩ cũng được hướng dẫn cụ thể các nội dung rối loạn chức năng tuyến giáp trong thai kỳ; giải pháp toàn diện của Roche chăm sóc sức khỏe phụ nữ... Hội thảo đã giúp các y, bác sĩ giải đáp những vướng mắc, khó khăn thường gặp trong quá trình cấp cứu, điều trị nhằm hạn chế tối đa biến chứng có thể xảy ra cho mẹ và thai nhi; đồng thời giúp các y, bác sĩ có thêm sự hiểu biết về bệnh lý tiền sản giật góp phần nâng cao chất lượng điều trị, nâng cao uy tín và thương hiệu của Bệnh viện TW Thái Nguyên trong lòng Nhân dân.

Việc triển khai đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy trình sàng lọc tiền sản giật quý I thai kỳ trên nhóm thai phụ có yếu tố nguy cơ cao và điều trị dự phòng tại Thái Nguyên” là rất cần thiết. Qua nghiên cứu, Chủ nhiệm đề tài đã xác định tỷ lệ thai phụ ở quý I có nguy cơ cao bị tiền sản giật cần điều trị dự phòng; xây dựng được quy trình khám sàng lọc tiền sản giật; xây dựng được phương pháp điều trị dự phòng... để áp dụng điều trị tại Bệnh viện TW Thái Nguyên./.

Dương Chiêm, Thế Bằng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số: 325/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
thuộc lĩnh vực khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 209/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 08/TTr-KHCN ngày 24/01/2022 về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên gồm 86 dịch vụ, cụ thể như sau:

- Dịch vụ hoạt động khoa học và công nghệ: 25 dịch vụ
- Dịch vụ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng (bao gồm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật): 15 dịch vụ

PHÓ BIÊN VĂN BẢN KH&CN

- Dịch vụ lĩnh vực sở hữu trí tuệ: 04 dịch vụ
- Dịch vụ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (bao gồm thông tin khoa học và công nghệ): 28 dịch vụ
- Dịch vụ lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân: 14 dịch vụ
(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực với các nội dung sau:

- Nội dung ủy quyền: quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định) đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác, nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc tổ chức đấu thầu theo quy định.

- Thời gian ủy quyền: Từ ngày 01/3/2022 đến ngày 01/31/2025

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Dương Văn Lượng

**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBNDND ngày /01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Phân nhóm các dịch vụ	Căn cứ Pháp lý	Ngân sách nhà nước bao đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	Ngân sách nhà nước bao đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công	Tên dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
I. Dịch vụ hoạt động khoa học và công nghệ						
1	Công bố, xuất bản, truyền thông, khai thác, ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ và phát triển công nghệ.	Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Luật Xuất bản năm 2012; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ	X		1 Công bố, xuất bản, in, phát hành ấn phẩm khoa học, kỹ thuật và công nghệ, kinh tế (sách, báo, tổng luận chuyên đề, bản tin, tạp chí). 2 Thông tin, phổ biến kiến thức về khoa học và công nghệ. 3 Dịch vụ thông tin, truyền thông (sản xuất phim, phóng sự, tin, bài), phổ biến kiến thức, triển lãm, hội chợ công nghệ, tổ chức sự kiện, hội chợ sách về khoa học và công nghệ. 4 Dịch vụ khai thác các cơ sở dữ liệu liên quan đến đánh giá khoa học và công nghệ. 5 Dịch vụ hỗ trợ thương mại hóa sáng chế. 6 Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu đổi mới công nghệ. 7 Dịch vụ hỗ trợ phát triển thị trường khoa học công nghệ. 8 Duy trì và phát triển hệ thống dịch vụ điện tử trực tuyến trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.	Công bố, xuất bản, in, phát hành ấn phẩm khoa học, kỹ thuật và công nghệ, kinh tế (sách, báo, tổng luận chuyên đề, bản tin, tạp chí). Thông tin, phổ biến kiến thức về khoa học và công nghệ. Dịch vụ thông tin, truyền thông (sản xuất phim, phóng sự, tin, bài), phổ biến kiến thức, triển lãm, hội chợ công nghệ, tổ chức sự kiện, hội chợ sách về khoa học và công nghệ. Dịch vụ khai thác các cơ sở dữ liệu liên quan đến đánh giá khoa học và công nghệ. Dịch vụ hỗ trợ thương mại hóa sáng chế. Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu đổi mới công nghệ. Dịch vụ hỗ trợ phát triển thị trường khoa học công nghệ. Duy trì và phát triển hệ thống dịch vụ điện tử trực tuyến trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.
2	Thẩm định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Luật Công nghệ cao năm 2008; Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017	X			9 Thẩm định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

3	Dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:	Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017	X						10	Cung cấp chuyên gia trong nước, quốc tế tư vấn, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.														
										Cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo 11 (pháp lý, tài chính, sở hữu trí tuệ, thông tin công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, và các dịch vụ khác).														
4	Môi giới, xúc tiến, tư vấn và dịch vụ khác phục vụ chuyển giao công nghệ.	Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Luật khoa học và công nghệ năm 2013; Luật Công nghệ cao năm 2008	X						12	Cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến, hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.														
5	Đánh giá, thẩm định, giám định và định giá công nghệ; thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; Định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ phục vụ quản lý nhà nước.	Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009; Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013	X						13	Cung cấp dịch vụ uom tạo, dịch vụ đào tạo tập trung cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.														
									14	Thẩm định năng lực hiệu quả hoạt động của vươn ướm, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, huấn luyện viên khởi nghiệp.														
									15	Tư vấn đánh giá năng lực công nghệ trong các lĩnh vực, ngành kinh tế, hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.														
									16	Dịch vụ đánh giá, tiếp nhận công nghệ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.														
									17	Dịch vụ hỗ trợ chuyên giao công nghệ.														
									18	Đánh giá công nghệ (đánh giá trình độ công nghệ, đánh giá năng lực tiếp thu công nghệ, đánh giá năng lực đổi mới công nghệ, đánh giá năng lực sáng tạo công nghệ...).														
									19	Giám định công nghệ.														
									20	Định giá công nghệ.														
									21	Định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ phục vụ quản lý nhà nước.														
									22	Dịch vụ định giá tài sản trí tuệ, thương hiệu.														
									23	Dịch vụ đánh giá trình độ công nghệ.														

6	Thẩm định cơ sở khoa học của phát triển kinh tế - xã hội; Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư; Thẩm định quy hoạch ngành, lĩnh vực; Thẩm định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Luật khoa học và công nghệ năm 2013	X		24	Đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
7	Đánh giá hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.	Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Thông tư số 38/2014/TT-BKHCN ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	X		25	Đánh giá hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.
II. Dịch vụ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng (bao gồm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật)						
1	Xây dựng, thẩm tra quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCDP); Tham gia xây dựng tiêu chuẩn; hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài.	Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Đo lường năm 2011	X		26	Xây dựng, thẩm tra các quy chuẩn kỹ thuật địa phương.
2	Thông báo và hồi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.	Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Đo lường năm 2011	X		27	Phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài; quy chuẩn kỹ thuật địa phương, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
					28	Thông báo và hồi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

PHỔ BIẾN VĂN BẢN KH&CN

3	Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường.	Luật Đo lường năm 2011	X		29	Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường.
4	Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.	Luật Đo lường năm 2011	X		30	Kiểm định phương tiện đo, chuẩn đo lường.
					31	Hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường.
					32	Thử nghiệm phương tiện đo.
					33	Thử nghiệm chất lượng hàng hóa.
5	Đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, công nhận năng lực của phòng thử nghiệm, phòng hiệu chuẩn, tổ chức chứng nhận sự phù hợp, tổ chức giám định.	Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006.	X		34	Kiểm tra chất lượng hàng hóa xuất nhập khẩu.
					35	Giám định chất lượng hàng hóa.
					36	Chứng nhận sản phẩm hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn.
					37	Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng/ công trình phù hợp tiêu chuẩn/ quy chuẩn.
6	Tư vấn, đầu tư nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.	Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Đo lường năm 2011	X		38	Tư vấn đầu tư, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, các công cụ quản lý nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.
7	Xây dựng và tư vấn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của cơ quan nhà nước.	Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Đo lường năm 2011	X		39	Đào tạo, tư vấn ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính.

8	Tổ chức Giải thưởng chất lượng cấp tỉnh	Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Đo lường năm 2011	X		40	Tổ chức Giải thưởng chất lượng cấp tỉnh
III. Dịch vụ lĩnh vực sở hữu trí tuệ						
1	Giám định về sở hữu công nghiệp phục vụ quản lý nhà nước.	Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009		X	41 42 43 44	Dịch vụ giám định về sáng chế. Dịch vụ giám định về kiểu dáng công nghiệp. Dịch vụ giám định về thiết kế bố trí mạch tích hợp. Dịch vụ giám định về nhãn hiệu.
IV. Dịch vụ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (bao gồm thông tin khoa học và công nghệ)						
1	Dịch vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ	Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013		X	45 46 47 48 49 50	Dịch vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ Thẩm định điều kiện cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài. Thẩm định điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ. Thẩm định điều kiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ. Thẩm định điều kiện cấp thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ. Thẩm định điều kiện cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.
2	Thẩm định điều kiện hoạt động khoa học và công nghệ cho các tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013	X			

PHÓ BIÊN VĂN BẢN KH&CN

					51	Thẩm định điều kiện cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.
					52	Thẩm định điều kiện cấp thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.
					53	Xây dựng và quản trị hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ.
					54	Xây dựng và quản trị hạ tầng công nghệ thông tin khoa học và công nghệ.
					55	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin và truyền thông khoa học và công nghệ.
					56	Xây dựng, cập nhật, cung cấp, khai thác cơ sở dữ liệu về hồ sơ công nghệ, chuyên gia công nghệ, danh mục công nghệ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, công bố khoa học và công nghệ Việt Nam, tổ chức khoa học và công nghệ, nhân lực nghiên cứu và phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam.
					57	Tổ chức hoạt động trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ, các trung tâm giao dịch công nghệ, tổ chức các sự kiện, hội nghị kêu gọi vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
					58	Xây dựng và vận hành sàn giao dịch thông tin, công nghệ thiết bị trực tuyến.
					59	Tổ chức hoạt động giao dịch thông tin công nghệ và thiết bị.
					60	Tổ chức triển lãm khoa học và công nghệ.
					61	Tư vấn môi giới, kết nối cung cầu mua bán công nghệ, chuyển giao công nghệ.
					62	Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin khoa học và công nghệ.
					63	Xây dựng và phát triển cổng thông tin khoa học và công nghệ.
						Hoạt động thống kê khoa học và công nghệ gồm:
					64	Điều tra thống kê khoa học và công nghệ;
						Hoạt động nghiệp vụ thống kê khoa học và công nghệ.

	nghệ. Hoạt động thư viện, thống kê trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.	18/02/2014 của Chính phủ					
6	Thông tin, truyền thông trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.	Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Luật Công nghệ thông tin năm 2006; Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009; Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Đo lường năm 2011; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ.	X		67	Thông tin, truyền thông trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.	
7	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ theo các chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt	Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010 và các Luật sửa đổi liên quan	X		68	Hoạt động thông tin, tuyên truyền lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.	
8	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý khoa học và công nghệ.	Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010 và các Luật sửa đổi liên quan	X		69	Đào tạo về sở hữu trí tuệ.	
					70	Đào tạo pháp quy hạt nhân.	
					71	Tư vấn đào tạo và kỹ thuật công nghệ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	
					72	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý khoa học và công nghệ	

V. Dịch vụ lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; Tư vấn nhập khẩu công nghệ, thiết bị hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn và nguồn phóng xạ; Tư vấn xuất khẩu công nghệ, thiết bị hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn và nguồn phóng xạ.	Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008	X	73 Tư vấn kỹ thuật và công nghệ bức xạ. 74 Tư vấn kỹ thuật và công nghệ hạt nhân. 75 Đánh giá, giám định công nghệ bức xạ, công nghệ hạt nhân. 76 Vận hành, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị bức xạ. 77 Đo liều chiếu xạ cá nhân (cho nhân viên bức xạ thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập) 78 Kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị ghi do bức xạ (thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập)
2	Quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường địa phương. Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống phòng chuẩn địa phương trong lĩnh vực đo lường bức xạ và hạt nhân.	Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008	X	79 Tư vấn nhập khẩu công nghệ, thiết bị hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn và nguồn phóng xạ. 80 Nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, vật liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn và nguồn phóng xạ. 81 Dịch vụ cung ứng các dược chất phóng xạ dùng trong y tế. 82 Đánh giá cơ sở hạ tầng phục vụ ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình.
3	Ứng phó và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.	Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008	X	83 Quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường địa phương. 84 Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống phòng chuẩn địa phương trong lĩnh vực đo lường bức xạ và hạt nhân. 85 Ứng phó và xử lý sự cố bức xạ cấp tính. 86 Ứng phó và xử lý sự cố hạt nhân cấp tính.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Hội đồng thẩm định công nghệ



Hội nghị triển khai thực hiện Đề án 996 tại tỉnh Thái Nguyên
năm 2022



Thái Nguyên triển khai đánh giá hồ sơ tham dự
Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2022



Hội thảo đánh giá mô hình trồng cây Sachainchi
tại huyện Đại Từ



Sở KH&CN kiểm tra tiến độ thực hiện dự án: "Phát triển mở rộng ứng dụng công nghệ iMetos hỗ trợ sản xuất nông nghiệp"



Sở KH&CN kiểm tra đề tài "Bảo tồn nguồn gen cây Hồng Việt Cường" tại huyện Đồng Hỷ

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH THÁI NGUYÊN

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH THÁI NGUYÊN

Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ Thái Nguyên. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên có chức năng cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ; thực hiện ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ; thông tin, thư viện, tin học, thống kê khoa học và công nghệ; kiểm định, tiêu chuẩn, đo lường, năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.



LĨNH VỰC ĐO LƯỜNG - KIỂM ĐỊNH - HIỆU CHUẨN

- Kiểm định các thiết bị có nghiêm ngặt về an toàn lao động; (Nồi hơi, hệ thống đường dẫn ống hơi nước, cầu trục, thang máy, thang cuốn, băng tải, áp suất...vv)
- Kiểm định, hiệu chuẩn nhiệt ẩm kế;
- Kiểm định các loại cân;
- Kiểm định, hiệu chuẩn quả cân chuẩn M1, M2;
- Kiểm định bình đong, thùng đong;
- Kiểm định cột đo xăng dầu; bộ ca đong;
- Đong hổ nước lạnh cơ khí đường kính đến 25mm cấp A,B,C;
- Kiểm định công tơ điện;
- Kiểm định phương tiện đo điện trở tiếp đất (Teromet);
- Kiểm định phương tiện đo điện tim;
- Kiểm định phương tiện đo điện não;
- Kiểm định phương tiện đo kính mắt;
- Kiểm định Áp kế - Huyết áp kế lò xo, Thủy ngân;
- Kiểm định đồng hồ Taximet;
- Kiểm xạ các phòng máy X quang;
- Kiểm xạ trong công nghiệp;
- Kiểm định các loại máy X - Quang.



LĨNH VỰC THÔNG TIN - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

- Tư vấn, lập dự án ứng dụng công nghệ thông tin;
- Tư vấn đấu thầu; Tư vấn giám sát thi công;
- Cung cấp thông tin về công nghệ, kết nối cung-cầu công nghệ; Tư vấn khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo;
- Xây dựng phần mềm ứng dụng, hosting, Website cho cơ quan, doanh nghiệp;
- Dịch vụ quay phim, video sự kiện, quảng cáo, hội nghị, hội thảo...
- Tư vấn, thiết kế nhận diện thương hiệu; In offset tờ rời, tờ gấp, bìa tin, tạp chí, lịch...

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

- Cung cấp các loại nấm ăn, nấm dược liệu, Tư vấn chuyển giao công nghệ phục vụ nghề nấm;
- Tư vấn, cung cấp các loại chế phẩm sinh học xử lý môi trường;
- Cung cấp các loại giống cây mới sạch bệnh.



Địa chỉ: Ngõ 621, đường Quang Trung, tổ 11, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Hotline
02083 859 003